VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2018 hợp nhất Thông tư quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 795 + 796)

Mục 3. KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN NINH TRƯỚC CHUYẾN BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 43. Niêm phong an ninh

1.[29] Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, tủ, túi đựng suất ăn, thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay, trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 56 của Thông tư này, sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh; phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải niêm phong an ninh các cửa nạp, cửa xả; tàu bay không khai thác phải niêm phong an ninh các cửa của tàu bay.

2. Niêm phong an ninh phải bảo đảm không thể bóc, gỡ sau khi niêm phong hoặc nếu bóc, gỡ sẽ bị hỏng, không thể niêm phong lại; kích cỡ, chủng loại niêm phong phải phù hợp với vật được niêm phong.

3. Mẫu niêm phong an ninh, chế độ quản lý, thống kê, cấp, phát, sử dụng niêm phong an ninh phải được quy định cụ thể trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không có liên quan. Yêu cầu về niêm phong an ninh theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 44. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát

1. Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi hành khách có vé, thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này và đã được kiểm tra an ninh hàng không; hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, không làm chung cho nhiều người. Trước khi cho hành khách lên tàu bay, nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với giấy tờ về nhân thân và thẻ lên tàu bay để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ và chuyến bay.

2. Hành khách có hành lý ký gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không để làm thủ tục. Nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với vé và giấy tờ về nhân thân, phỏng vấn hành khách về hành lý; nếu có nghi vấn phải thông báo cho người phụ trách an ninh tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

3. Hành khách được ủy quyền cho người đại diện thay mình làm thủ tục trong các trường hợp sau:

a) Đoàn công tác có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Các trường hợp khẩn cấp do Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Hành khách không có hành lý ký gửi được tự làm thủ tục cho mình qua hệ thống làm thủ tục trực tuyến, quầy tự làm thủ tục được hãng hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan cho phép mà không cần có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không.

5. Hành khách, hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh bằng soi chiếu an ninh hàng không 100%; hành khách từ chối soi chiếu an ninh hàng không sẽ bị từ chối vận chuyển.

6. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có buồng để tiến hành lục soát an ninh hàng không; có máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị, dụng cụ cần thiết khác.

7. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân của hành khách với vé, thẻ lên tàu bay bằng giấy hoặc trên thiết bị điện tử (điện thoại, máy tính…) và hành khách;

b) Hướng dẫn hành khách thực hiện các yêu cầu cởi bỏ vật dụng cá nhân, đặt hành lý, đồ vật lên băng chuyền máy soi tia X;

c) Kiểm tra hành khách bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, kiểm tra trực quan, lục soát hành khách;

d) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó;

đ) Tiếp nhận hành lý, đồ vật cần kiểm tra theo yêu cầu của nhân viên quan sát màn hình máy soi tia X và chuyển cho nhân viên làm nhiệm vụ kiểm tra trực quan, lục soát;

e) Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý xách tay, đồ vật;

g) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không; luân chuyển vị trí làm việc của các nhân viên trong ca; xử lý các vướng mắc, vi phạm khi nhân viên báo cáo; không trực tiếp thực hiện các công việc của các nhân viên nêu tại các điểm a, b, c, d, đ và e của khoản này.

8. Hành khách phải tuân thủ mọi hướng dẫn, yêu cầu của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và chấp hành quy trình soi chiếu an ninh hàng không đối với người và hành lý xách tay như sau:

a) Hành khách cởi bỏ áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng, vật dụng cá nhân và các đồ vật khác mang theo người; đặt các đồ vật, chất lỏng, thiết bị điện tử vào khay đưa qua máy soi tia X trước khi đi qua cổng từ;

b) Hành khách đi qua cổng từ, nếu cổng từ báo động thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không sử dụng kết hợp thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan;

c) Hành khách đặt hành lý xách tay lên băng chuyền đưa qua máy soi tia X; khi hành lý có nghi vấn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải tiến hành kiểm tra trực quan hoặc lục soát an ninh hàng không theo quy định.

9. Hành khách, hành lý xách tay đã hoàn tất thủ tục kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho đến khi lên tàu bay.

10. Việc kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách tàn tật, thương binh, bệnh nhân sử dụng xe đẩy, cáng cứu thương, có gắn các thiết bị phụ trợ y tế trên người được thực hiện bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác tại nơi phù hợp.

11. Việc kiểm tra trực quan hành khách, hành lý xách tay được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc tại buồng lục soát. Việc kiểm tra trực quan hành khách tại điểm kiểm tra an ninh hàng không do người cùng giới tính thực hiện, trong trường hợp cần thiết, nhân viên nữ có thể kiểm tra hành khách nam. Việc kiểm tra trực quan tại buồng lục soát phải do người cùng giới tính thực hiện, có người thứ ba cùng giới chứng kiến và phải lập biên bản kiểm tra trực quan.

12. Trường hợp phát hiện vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay lên tàu bay theo quy định thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Thông tư này.

13. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên bổ sung tối thiểu 10% sau kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý xách tay. Việc kiểm tra trực quan ngẫu nhiên được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc đưa hành khách vào buồng lục soát khi có yêu cầu.

Điều 45. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa

1. Trường hợp hành khách quá cảnh, tạm dừng nội địa ở lại trên tàu bay, tàu bay đó phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi xuất phát, không cho phép hành khách xuống khỏi tàu bay.

2. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay phải mang theo đồ vật cá nhân, hành lý xách tay, không được để lại trên tàu bay.

3. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm đồ vật cá nhân, hành lý xách tay của hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay, không để lại trên tàu bay.

4. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa và hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu như hành khách xuất phát trước khi lên lại tàu bay, trừ trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách được dán thẻ hành khách tạm dừng, nối chuyến, quá cảnh;

b) Từ lúc xuống khỏi tàu bay, hành khách đi theo luồng riêng không lẫn với bất kỳ luồng hành khách nào khác và được giám sát an ninh liên tục.

Điều 46. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay

1. Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý và chỉ được phép mang hành lý theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay.

3. Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát.

4. Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

Điều 47. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Nhân viên làm thủ tục vận chuyển phải yêu cầu từng hành khách xác định đúng hành lý ký gửi của mình mới được phép làm thủ tục vận chuyển, không làm thủ tục nhóm (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 44 của Thông tư này); trường hợp thấy có dấu hiệu nghi vấn phải thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để tăng cường kiểm tra.

2. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra trực quan, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý ký gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

3. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó;

b) Kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không;

c) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hành lý ký gửi được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

5. Kiểm tra trực quan đối với hành lý ký gửi của hành khách được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hành lý đó hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển, trừ trường hợp khẩn nguy.

6. Hành lý ký gửi quá cảnh, nối chuyến, đi chuyến bay tạm dừng nội địa đã đưa xuống khỏi tàu bay, trước khi đưa lên tàu bay phải qua kiểm tra an ninh hàng không như hành lý ký gửi xuất phát, trừ các trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hành lý không rời khỏi sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không liên tục từ khi đưa xuống khỏi tàu bay cho đến khi được đưa lại lên tàu bay;

b) Hành lý có dán thẻ quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa.

Điều 48. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến, quá cảnh sau khi làm thủ tục chấp nhận vận chuyển và kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho đến khi đưa lên tàu bay, không được để những người không có trách nhiệm tiếp cận.

2. Khu vực băng chuyền hành lý ký gửi, khu vực phân loại hành lý ký gửi phải được kiểm soát và giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp, người không có trách nhiệm không được phép tiếp cận những khu vực này.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển hành lý ký gửi từ nhà ga ra tàu bay và ngược lại chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc mất mát tài sản trong hành lý ký gửi và ngăn chặn việc đưa hành lý ký gửi không được phép vận chuyển lên băng chuyền, xe chở hành lý.

4. Hành lý ký gửi bị rách, vỡ, bung khóa không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được tái kiểm tra an ninh

hàng không. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không phải được lập biên bản. Quy trình quản lý, giám sát, xử lý cụ thể đối với hành lý không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được quy định trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

Điều 49. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý

1. Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam quy định.

2. Hãng hàng không hoặc người khai thác tàu bay phải bảo đảm:

a) Mỗi kiện hành lý ký gửi phải có thẻ hành lý ghi rõ số chuyến bay, ngày, tháng, năm và mã số của kiện hành lý đó;

b) Trước chuyến bay, lập bảng kê hành lý ký gửi và thực hiện đối chiếu hành lý ký gửi với danh sách hành khách của chuyến bay;

c) Ký bảng kê danh mục hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay.

3. Trong trường hợp hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay nhưng không có mặt để thực hiện chuyến bay, hãng hàng không có trách nhiệm đảm bảo tất cả hành lý của hành khách đó phải được đưa xuống tàu bay trước khi cho tàu bay khởi hành.

4. Trừ túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý ký gửi vận chuyển không cùng với hành khách trên chuyến bay theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam phải áp dụng ít nhất một trong các biện pháp kiểm tra an ninh hàng không bổ sung sau đây và phải được lập thành biên bản:

a) Soi chiếu bằng máy soi tia X đối với đồ vật ở các tư thế khác nhau;

b) Kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 50. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách chịu trách nhiệm bố trí khu vực để lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận cho đến khi hành lý này được chuyển đi, chuyển tới chủ sở hữu. Khu vực lưu giữ hành lý phải được bảo vệ, người không có trách nhiệm không được vào khu vực này.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách, hành lý có trách nhiệm lưu giữ và lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, phải ghi rõ số lượng, trọng lượng, chuyến bay, đường bay và

các biện pháp giải quyết. Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu và niêm phong an ninh trước khi đưa vào khu vực lưu giữ, trước khi được đưa lên tàu bay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu.

3. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được lục soát an ninh hàng không.

Điều 51. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự

1. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Việc kiểm tra túi ngoại giao, túi lãnh sự được nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện như sau:

a) Kiểm tra niêm phong, những dấu hiệu nhận biết bên ngoài của túi ngoại giao, túi lãnh sự theo quy định của pháp luật về ngoại giao và lãnh sự;

b) Kiểm tra hộ chiếu, giấy ủy quyền mang túi ngoại giao, túi lãnh sự, văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự xác nhận số kiện của túi ngoại giao, túi lãnh sự.

3. Trong trường hợp có cơ sở xác thực để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự có chứa vật phẩm nguy hiểm không được phép vận chuyển trên tàu bay theo quy định thì túi ngoại giao, túi lãnh sự đó bị từ chối chuyên chở.

4. Khi từ chối chuyên chở phải tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do, có sự xác nhận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự và Cảng vụ hàng không liên quan, biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao.

5. Giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và đồ vật mang theo khi vào khu vực hạn chế để gửi hay đi cùng túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được kiểm tra an ninh hàng không theo quy định tại các Điều 39 và 44 của Thông tư này.

6. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông

viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không liên quan; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao.

Điều 52. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện, tuân thủ theo quy định tại các Điều 44, 46, 47 và 48 của Thông tư này, trừ trường hợp các quy định của pháp luật có quy định khác.

2. Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành quy chế kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ.

3. Việc miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với chuyến bay chuyên cơ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển trên tàu bay tại cảng hàng không, sân bay

1.[30] Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra giấy tờ (tờ khai người gửi hàng, hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng gửi của chuyến bay quốc tế), ghi tài liệu về từng lô hàng được kiểm tra; kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không;

b) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó; kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ;

c) Niêm phong an ninh hàng không;

d) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

3. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu 100%, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này và các trường hợp miễn soi chiếu được quy định tại Điều 55 của Thông tư này. Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hóa, bưu gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

4. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát sau khi đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được giám sát an ninh liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay. Khi phát hiện hàng hóa, bưu gửi không còn nguyên vẹn hoặc thùng đựng thiếu niêm phong an ninh trước khi chất xếp lên tàu bay, nhân viên phục vụ hàng hóa, bưu gửi có trách nhiệm thông báo kịp thời cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp tái kiểm tra an ninh hàng không thích hợp nhằm phát hiện, ngăn ngừa vật phẩm nguy hiểm theo quy định.

5. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra an ninh hàng không mà phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

6.[31] Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát an ninh hàng không như hàng hóa, bưu gửi xuất phát, trừ trường hợp hàng hóa, bưu gửi trung chuyển chưa ra khỏi khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay hoặc có sự hộ tống, giám sát liên tục của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

7. Hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay vận chuyển hành khách không phải kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định khoản 26 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không thích hợp liên tục;

b) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực công cộng và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

8. Biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi phải được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

9. Hồ sơ khai thác hàng hóa, bưu gửi, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các biên bản phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không

1. Chỉ những cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi có lưu lượng hàng hóa, bưu gửi lớn vận chuyển bằng đường hàng không đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất, con người để bảo đảm an ninh hàng không, có Quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt mới được thiết lập điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ định lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không trên cơ sở bảo đảm an ninh hàng không và lợi ích của các bên liên quan.

3. Doanh nghiệp chủ quản cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, bảo vệ cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi theo Quy chế an ninh hàng không được phê duyệt; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát an ninh hàng không thích hợp đối với hàng hóa, bưu gửi sau khi tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển hàng hóa, bưu gửi sau kiểm tra an ninh hàng không đến cảng hàng không, sân bay.

4. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quy định cụ thể các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi trong toàn bộ chuỗi cung ứng vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp với bản chất của

từng loại hàng hóa, bưu gửi. Các doanh nghiệp liên quan đến vận chuyển hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải thực hiện các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không do Cục Hàng không Việt Nam ban hành nhằm loại trừ việc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm trái phép.

Điều 55. Kiểm tra an ninh hàng không đối với vật phẩm đặc biệt

1. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử.

2. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hóa, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cá nhân, cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và phải được người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chấp nhận.

5. Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng trong trường hợp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợp.

6. Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển. Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận

chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra an ninh hàng không phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định.

7. Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay để chăm sóc bệnh nhân và đối tượng cảnh vệ phải được đề nghị bằng văn bản, được sự đồng ý của đại diện hãng hàng không và người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

8. Tất cả các vật phẩm đặc biệt nêu tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 7 của Điều này phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 56. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn

1. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn hàng không (sau đây gọi chung là doanh nghiệp suất ăn) có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn theo Quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2. Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại các khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phù hợp. Phương tiện vận chuyển suất ăn từ nơi cung ứng qua khu vực công cộng ra tàu bay phải có nhân viên bảo vệ của doanh nghiệp áp tải hoặc triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp.

3. Các mẫu suất ăn phải được lưu giữ ít nhất 24 giờ kể từ khi đưa lên phục vụ trên tàu bay.

4. Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong an ninh hàng không của doanh nghiệp suất ăn.

5. Trường hợp tủ, túi đựng suất ăn không có hoặc niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn thì phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X hoặc kiểm tra trực quan trước khi đưa vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không để đưa lên tàu bay và phải được giám sát an ninh hàng không liên tục.

Điều 57. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay

1. Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong an ninh hàng không sau khi được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X và được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Khu vực kho chứa các đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phù hợp.

3. Người khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số lượng, chủng loại đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay khi đưa lên, đưa xuống tàu bay và ghi nhận bằng văn bản; xuất trình cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi vào và ra khỏi khu vực hạn chế.

Điều 58. Bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay

1. Doanh nghiệp cung ứng nhiên liệu có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu theo Quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2. Khu vực kho chứa nhiên liệu, phương tiện vận chuyển phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

3. Các cửa nạp, cửa xả của phương tiện tra nạp nhiên liệu hàng không sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải được niêm phong an ninh; phương tiện phải có bảo vệ doanh nghiệp áp tải hoặc có các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp khi lưu thông tại các khu vực công cộng.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay trước khi vào sân bay, bảo đảm niêm phong an ninh các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên vẹn.

Điều 59. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Khi làm thủ tục hàng không, người áp giải phải xuất trình lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đại diện hãng hàng không phối hợp với người áp giải đánh giá nguy cơ trong việc vận chuyển hành khách bị áp giải và quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phù hợp; thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không cảng hàng không, sân bay nơi đi.

3. Người áp giải và người bị áp giải có thể được bố trí kiểm tra an ninh hàng không tại khu vực riêng. Người bị áp giải và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan.

4. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với người áp giải quản lý, giám sát chặt chẽ trong quá trình đưa người bị áp giải lên, xuống tàu bay.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ và người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết nếu có.

Điều 60. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh

1. Hãng hàng không chịu trách nhiệm về hành khách do hãng chuyên chở bị Việt Nam từ chối nhập cảnh, cụ thể:

a) Chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam trong thời gian sớm nhất;

b) Phối hợp với công an cửa khẩu tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách và làm thủ tục để có các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó nếu hành khách không có giấy tờ về nhân thân hợp lệ;

c) Thông báo cho công an cửa khẩu, Cảng vụ hàng không liên quan danh sách hành khách, thời gian, địa điểm quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh và chuyến bay chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam;

d) Giữ giấy tờ về nhân thân hoặc các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp và chỉ giao lại khi hành khách đã được bàn giao cho nhà chức trách có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu bay đến.

2. Trường hợp hãng hàng không chuyên chở hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nước ngoài về Việt Nam, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với nhà

chức trách có thẩm quyền của nước sở tại để có giấy tờ về nhân thân của hành khách đó hoặc các giấy tờ khác do nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay quản lý, giám sát hành khách cho tới khi đưa hành khách lên chuyến bay rời khỏi Việt Nam. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh không tự nguyện về nước, hãng hàng không phải bố trí nhân viên an ninh áp giải trên chuyến bay, tối thiểu 01 nhân viên áp giải 01 hành khách.

4. Hãng hàng không chịu mọi chi phí liên quan đến hành khách bị từ chối nhập cảnh.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị từ chối nhập cảnh và những người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc nhà chức trách nước ngoài nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết.

Điều 61. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi

1. Hành khách mất khả năng làm chủ hành vi bao gồm:

a) Mất khả năng làm chủ hành vi do bị bệnh tâm thần;

b) Mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.

2. Không chấp nhận chuyên chở hành khách mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng chất kích thích.

3. Việc chấp nhận chuyên chở hành khách bị bệnh tâm thần do đại diện hãng hàng không đánh giá và quyết định. Khi chấp nhận chuyên chở phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách bị bệnh tâm thần phải có bác sĩ hoặc thân nhân đi kèm có khả năng kiềm chế được hành vi bất thường của hành khách. Trong trường hợp cần thiết, hành khách bị bệnh tâm thần cần phải được gây mê trước khi lên tàu bay, thời gian bay không được lâu hơn thời gian tác dụng của thuốc;

b) Hành khách bị bệnh tâm thần và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan; việc kiểm tra có thể được bố trí tại khu vực riêng;

c) Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của đại diện hãng hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải hộ tống hành khách bị bệnh tâm thần lên tàu bay và ngược lại;

d) Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị bệnh tâm thần. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 62. Quy trình xử lý hành khách gây rối

1. Trường hợp hành khách chưa lên tàu bay, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ngăn chặn không cho phép hành khách lên tàu bay, tạm giữ người, giấy tờ về nhân thân của hành khách, lập biên bản vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này, thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan và đại diện hãng hàng không liên quan. Việc xử lý phải đảm bảo hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay.

2. Trường hợp hành khách đã lên tàu bay và tàu bay đang ở mặt đất, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định tạm dừng chuyến bay nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo cho đại diện hãng hàng không; đại diện hãng hàng không thông báo vụ việc cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay để phối hợp xử lý.

3.[32] Trường hợp tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định cho tàu bay hạ cánh nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo vụ việc cho hãng hàng không hoặc nhà chức trách hàng không (nếu không có đại diện hãng hàng không) nơi hạ cánh tùy theo tính chất, mức độ vụ việc, người chỉ huy tàu bay tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính hoặc tường trình, báo cáo vụ việc theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, hoặc lập biên bản theo quy định của nước sở tại, bàn giao vụ việc cho nhà chức trách hàng không nơi hạ cánh.

---

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Khi nhận được thông báo, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay lên ngay tàu bay để phối hợp với tổ bay, áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để áp giải hành khách xuống khỏi tàu bay, tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách, đồ vật vi phạm; tổ bay lập bản tường trình báo cáo vụ việc chuyển giao cho Cảng vụ hàng không để xử lý theo thẩm quyền và đại diện hãng hàng không phải có mặt chứng kiến, phối hợp trong quá trình xử lý vụ việc.

5.[33] Cảng vụ hàng không liên quan nhận được thông báo phải đến ngay nơi xử lý vụ việc để trực tiếp đánh giá và quyết định việc xử lý theo thẩm quyền; giám sát toàn bộ quá trình xử lý vụ việc, kể cả trên tàu bay; chủ trì phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không đánh giá vụ việc, quyết định áp dụng các biện pháp an ninh cần thiết; yêu cầu chuyển giao hồ sơ vụ việc; đình chỉ hoặc cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay; lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp vượt quá thẩm quyền, chuyển vụ việc cho cơ quan chức năng có đủ thẩm quyền xử lý.

Điều 63. Từ chối, cấm vận chuyển vì lý do an ninh; kiểm tra trực quan bắt buộc đối với hành khách

1. Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh trong các trường hợp được pháp luật quy định.

2. Quy trình, thủ tục và thẩm quyền quyết định từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không. Việc từ chối vận chuyển hành khách phải được thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát theo thẩm quyền.

3. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định cấm vận chuyển bằng đường hàng không có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với hành khách có các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; tùy tính chất, mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc đối với người có hành vi vi phạm về an ninh, trật tự kỷ luật trên tàu bay tại các cảng hàng không, sân bay.

---

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Cục Hàng không Việt Nam thường xuyên cập nhật và thông báo danh sách hành khách bị cấm vận chuyển, hành khách phải kiểm tra trực quan bắt buộc cho các Cảng vụ hàng không, hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. Hãng hàng không phải có biện pháp thích hợp, hiệu quả để cảnh báo, phát hiện ngay đối tượng bị cấm vận chuyển, đối tượng phải áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc khi đối tượng đặt chỗ, làm thủ tục đi tàu bay để ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Điều 64. Tái kiểm tra an ninh hàng không

1. Hành khách, hành lý xách tay đã kiểm tra an ninh hàng không nhưng ra khỏi khu vực cách ly khi trở lại phải tái kiểm tra an ninh hàng không.

2. Trường hợp có sự tiếp xúc, trộn lẫn giữa hành khách, hành lý xách tay đã qua kiểm tra và người chưa qua kiểm tra an ninh hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải áp dụng ngay các biện pháp sau:

a) Tất cả hành khách, hành lý xách tay phải được chuyển sang một khu vực khác, kiểm tra lại toàn bộ khu vực cách ly liên quan;

b) Tái kiểm tra an ninh hàng không toàn bộ hành khách, hành lý xách tay trước khi cho lên tàu bay;

c) Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, toàn bộ hành khách, hành lý xách tay và khoang hành khách của tàu bay phải được tái kiểm tra an ninh hàng không.

3. Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túi đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra an ninh hàng không trước khi chất xếp lên tàu bay.

4. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không được quy định tại các khoản 2 và 3 của Điều này phải được lập thành biên bản.

Điều 65. Biện pháp xử lý vật phẩm nguy hiểm trong quá trình kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi

1. Khi phát hiện hoặc nghi vấn bom, mìn, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, chất cháy, vật liệu phóng xạ, chất độc có nguy cơ gây nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải lập tức đánh giá nguy cơ để có biện pháp xử lý thích hợp. Trường hợp là bom, mìn, vật liệu nổ nếu không biết rõ về cơ chế nổ thì để nguyên

tại chỗ, nhanh chóng phong tỏa khu vực đó, sơ tán hành khách đến nơi an toàn và thông báo ngay cho lực lượng phá dỡ bom mìn của ngành công an, quân đội đến để tháo gỡ. Việc di chuyển chất cháy, vật liệu phóng xạ, chất độc thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không có giấy phép theo quy định của pháp luật, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải lập biên bản sự việc và chuyển giao người, hồ sơ, vật phẩm nguy hiểm cho cơ quan chức năng có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho hãng hàng không liên quan để có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không tuân thủ các điều kiện bảo đảm vận chuyển an toàn bằng đường hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hướng dẫn hành khách bỏ lại hoặc thực hiện thủ tục vận chuyển theo quy định hoặc từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh hàng không và yêu cầu hãng hàng không, đại diện hợp pháp của người gửi hàng, hành khách tuân thủ các điều kiện vận chuyển.

4. Khi phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong người hành khách, phải nhanh chóng bằng biện pháp thích hợp khống chế, ngăn chặn để xử lý; phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong hành lý xách tay của hành khách phải cách ly ngay hành khách với hành lý, khống chế hành khách để xử lý.

Điều 66. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực cách ly

1. Khu vực cách ly phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi đưa vào khai thác hàng ngày và giám sát an ninh chặt chẽ, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

2. Khi không hoạt động, tất cả các cửa vào, cửa ra của khu vực cách ly phải được khóa hoặc có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không canh gác, bảo vệ.

3. ***(được bãi bỏ)***[34]

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với khu vực cách ly phải được quy định cụ thể, chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

---

[34] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 29 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Mục 4. BẢO ĐẢM AN NINH CHO TÀU BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 67. Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ tàu bay

1. Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép.

2. Tàu bay không khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

a) Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khóa cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng.

3. Tàu bay đang khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

a) Được giám sát an ninh hàng không liên tục hoặc được đóng, khóa, niêm phong cửa tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức ghi nhận và lưu giữ danh sách người, phương tiện được phép tiếp cận và phục vụ tàu bay.

Điều 68. Kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay

1. Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra an ninh hàng không phải được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

Điều 69. Bảo vệ buồng lái

1. Trong suốt thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khóa từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không trong khoang hành khách.

2. Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép;

b) Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn.

3. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu Người chỉ huy tàu bay đồng ý:

a) Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ;

b) Người được người khai thác tàu bay cho phép;

c) Người được phép vào buồng lái theo quy định pháp luật.

4. Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép; trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. Trong trường hợp bất khả kháng, chỉ có 01 thành viên tổ lái thì bắt buộc phải có mặt 01 tiếp viên và thành viên tổ lái đó.

Điều 70. Bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay

1. Khi hành khách lên tàu bay, hãng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay của hành khách để đảm bảo đúng người, đúng chuyến bay. Biện pháp kiểm tra phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Trước khi cho tàu bay khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải có trách nhiệm tổ chức đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay bằng biện pháp thích hợp; nếu không có sự trùng khớp phải làm rõ lý do mới được phép khởi hành.

3. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật; tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay.

4. Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thường xuyên quan sát khoang hành khách để kịp thời phát hiện hành vi bất thường của hành khách, thông báo cho người chỉ huy tàu bay biết để xử lý; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

5. Cục Hàng không Việt Nam là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Công an, nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài và các hãng hàng không trong việc bố trí nhân viên an ninh trên không đi trên các chuyến bay.

Điều 71. Vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Việc vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, có người áp giải. Trên một chuyến bay chỉ được vận chuyển không quá 05 người thuộc đối tượng này. Chuyến bay chuyên cơ thuê khoang không vận chuyển hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Đối với chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam, trong trường hợp quy định của pháp luật của nước sở tại khác với quy định tại khoản 1 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và quyết định giới hạn chuyên chở.

3. Chỗ ngồi của đối tượng bị áp giải được chỉ định ở các hàng ghế xa cửa lên, xuống, xa cửa thoát hiểm. Nhân viên áp giải ngồi ghế cạnh lối đi, đối tượng bị áp giải ngồi ghế trong, trường hợp số nhân viên áp giải gấp hai lần số đối tượng bị áp giải, đối tượng bị áp giải ngồi ghế giữa hai nhân viên áp giải.

4. Đối tượng bị áp giải phải được người áp giải giám sát trong suốt chuyến bay kể cả khi vào phòng vệ sinh, đối tượng bị áp giải có thể được mời ăn với sự đồng ý của người áp giải; người áp giải và đối tượng bị áp giải không được sử dụng các loại chất kích thích hoặc dung dịch có cồn.

5. Không được khóa tay hoặc chân đối tượng bị áp giải vào bất cứ bộ phận nào của tàu bay.

6. Hãng hàng không phải bố trí cho người áp giải và người bị áp giải lên trước và rời khỏi tàu bay sau cùng so với các hành khách khác.

7. Việc vận chuyển hành khách bị trục xuất tự nguyện trở về với số lượng nhiều hơn quy định tại khoản 1 của Điều này được thực hiện khi đủ khả năng bảo đảm an ninh. Hãng hàng không chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định.

Điều 72. Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay

1. Việc vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Danh mục các vật phẩm nguy hiểm mà hành khách, tổ bay không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

3. Đối với vật phẩm nguy hiểm là hàng nguy hiểm khi vận chuyển phải được đại diện của hãng hàng không chấp nhận vận chuyển trên tàu bay theo đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách; thông báo bằng hình thức thích hợp tại nhà ga danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang lên tàu bay quy định tại khoản 2 của Điều này.

Hãng hàng không phải tổ chức niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại nơi bán vé, quầy làm thủ tục hàng không.

Điều 73. Thủ tục, trình tự tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ[35]

1. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phải làm thủ tục đi tàu bay tại quầy thủ tục như sau:

a) Xuất trình vũ khí, công cụ hỗ trợ và các loại giấy phép liên quan cho nhân viên hàng không kiểm tra khi làm thủ tục đi tàu bay;

b) Trường hợp mang súng theo người lên tàu bay, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này. Trường hợp ký gửi súng, đạn, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này.

2. Nhân viên làm thủ tục của hãng hàng không thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra các loại giấy phép liên quan đến vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp là súng, đạn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra nội dung khai báo và ký xác nhận vào tờ khai.

3. Trường hợp hành khách là sỹ quan, chiến sỹ cảnh vệ đi cùng đối tượng cảnh vệ, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này và đưa tờ khai cho nhân viên thủ tục hàng không của chuyến bay trước khi lên tàu bay và chịu trách nhiệm về sự an toàn của súng, đạn, công cụ hỗ trợ mang theo.

4. Quy trình tiếp nhận, vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Người có súng phải tháo rời hộp tiếp đạn khỏi súng; tháo rời hoặc ngắt nguồn điện của công cụ hỗ trợ; bảo đảm chắc chắn vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn;

b) Đạn phải được đóng gói và chất xếp theo đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm. Đại diện hãng hàng không ký xác nhận vào tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này;

c) Nhân viên phục vụ mặt đất vận chuyển súng, đạn từ điểm làm thủ tục lên tàu bay phải có nhân viên an ninh hàng không giám sát, hộ tống;

d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ phải để ở nơi hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

---

[35] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

5. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về số lượng súng, đạn được vận chuyển trên chuyến bay.

6. Tại cảng hàng không, sân bay đến, quy trình bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ như sau:

a) Hãng hàng không phải điện thông báo bằng hình thức thích hợp cho đại diện của hãng tại cảng hàng không, sân bay đến để tiếp nhận, giám sát và thông báo các thông tin liên quan đến chuyến bay có vận chuyển ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ (như số hiệu chuyến bay, thời gian hạ cánh, vị trí hạ cánh) cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không;

b) Nhân viên phục vụ mặt đất có trách nhiệm vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ từ tàu bay vào khu vực trả hành lý; đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay với thẻ hành lý ký gửi; bàn giao vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ cho hành khách tại nơi trả hành lý ký gửi;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm giám sát quá trình vận chuyển, bàn giao, đăng ký vào sổ và giám sát việc hành khách mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra khỏi khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

7. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 74. Mang chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (chất lỏng) theo người và hành lý xách tay đối với chuyến bay quốc tế

1. Khi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn.

2. Không áp dụng khoản 1 Điều này đối với chất lỏng là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuốc chữa bệnh có kèm theo đơn thuốc trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, họ và tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ và tên trên vé hành khách;

b) Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng.

3. Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín.

Mục 5. BẢO ĐẢM AN NINH CHO HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 75. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung

1. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện như đối với tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

2. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay thực hiện như sau:

a) Người khai thác tàu bay phải xây dựng quy định về bảo vệ tàu bay phù hợp với hoạt động khai thác của mình; phối hợp, hiệp đồng với chính quyền địa phương tổ chức bảo vệ tàu bay; bố trí lực lượng canh gác tàu bay liên tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời người, phương tiện tiếp cận và lên tàu bay trái phép; thiết lập hệ thống hàng rào, chiếu sáng ban đêm thích hợp quanh khu vực tàu bay đỗ;

b) Cửa tàu bay phải được khóa hoặc niêm phong.

3. Người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra an ninh hàng không đối với tàu bay trước khi cho người, đồ vật lên tàu bay và bảo đảm an ninh trong khi bay.

4. Tàu bay hoạt động hàng không chung có trọng lượng cất cánh tối đa trên 5.700 kg phải được bảo đảm an ninh như tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

5. Hãng hàng không thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại phải xây dựng Chương trình an ninh hàng không cho hoạt động khai thác của hãng. Nội dung phải quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ tàu bay của hãng trong và ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay; thiết lập, duy trì bộ phận bảo đảm an ninh hàng không của hãng và chỉ định người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh của hãng theo hệ thống độc lập, không kiêm nhiệm.

Điều 76. Kiểm tra, giám sát an ninh người, đồ vật đưa lên chuyến bay hoạt động hàng không chung

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện bằng biện pháp thích hợp và được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Tàu bay xuất phát từ một cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải gửi danh sách người, đồ vật đưa lên tàu bay cho người khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước chuyến bay.

3. Tàu bay xuất phát từ nơi nằm ngoài cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay.

Mục 6. BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG

Điều 77. Thu thập thông tin về nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan thu thập, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng để quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh tăng cường cho từng cấp độ theo quy định của pháp luật.

2. Cục Hàng không Việt Nam, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin liên quan đến âm mưu tấn công can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường phải được triển khai ngay đến các cơ quan, đơn vị liên quan bằng hình thức thích hợp trong thời gian sớm nhất để thực hiện, đồng thời được gửi ngay để báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công an qua số fax do Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công an xác định.

Điều 78. Phạm vi áp dụng kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

Căn cứ thông tin về tình hình, nguy cơ đe dọa, uy hiếp an ninh hàng không, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường trên phạm vi toàn quốc hoặc tại một cảng hàng không, sân bay cụ thể.

Điều 79. Các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

1. Quy trình triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không trên cơ sở nội dung quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường tương ứng với cấp độ được áp dụng. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam.

Mục 7. CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA VÀ AN NINH HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

Điều 80. Nguyên tắc sử dụng, cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa

1. Chỉ hãng hàng không liên quan đến việc vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép khai thác, sử dụng thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hãng hàng không có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của hành khách; chỉ cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu vì mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, an toàn hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và các tội phạm hình sự khác.

Điều 81. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

1. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải xây dựng và ban hành các quy định về bảo vệ, quản lý, sử dụng để chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng, đánh cắp và làm sai lệch thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải được thực hiện từ giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp và trong quá trình thiết kế lắp đặt, sử dụng hệ thống. Các biện pháp bảo vệ bao gồm:

a) Quản trị hệ thống thông qua việc ban hành tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh; lựa chọn và đào tạo cán bộ, đặc biệt là những người có quyền quản trị hệ thống; đánh giá mối đe dọa và rủi ro để xác định các lỗ hổng của hệ thống và khả năng bị tấn công; kiểm tra và thử nghiệm; bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng;

b) Kiểm soát bằng tường lửa; mã hóa dữ liệu; sử dụng hệ thống phát hiện xâm nhập mạng và hệ thống chống vi-rút;

c) Bảo vệ hệ thống, đặc biệt là các máy chủ, phải nằm trong khu vực mà việc vào, ra và hoạt động trong khu vực đó được kiểm soát và hạn chế; chỉ những người có thẩm quyền được truy cập vào hệ thống bằng phương pháp đăng nhập sinh trắc học, mật khẩu; hạn chế số lượng người có quyền truy cập; kiểm soát và giám sát liên tục việc truy cập vào hệ thống; sử dụng hệ thống sao lưu đề phòng trường hợp hệ thống chính bị trục trặc; ghi lưu các hoạt động để phục vụ kiểm tra, đánh giá và cảnh báo khi có hoạt động bất thường.

3. Chương trình, Quy chế an ninh hàng không, phương án khẩn nguy, phương án ứng phó không lưu của các doanh nghiệp ngành hàng không liên quan phải quy định cụ thể về nội dung bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin; phương án phòng ngừa, đảm bảo an ninh thông tin, phương án ứng phó khi bị tấn công can thiệp bất hợp pháp bằng kỹ thuật điện tử.

4. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải thực hiện việc đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, mức độ thiệt hại nếu bị tấn công, can thiệp bất hợp pháp vào các thiết bị, hệ thống thông tin của đơn vị mình để có biện pháp bảo vệ thích hợp. Việc đánh giá dựa trên tiêu chí sau:

a) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động điều hành bay và tàu bay đang bay;

b) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến tính mạng hành khách, nhân viên tại cảng hàng không, sân bay;

c) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động bình thường của các thiết bị điều hành bay, hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không.

5. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải phối hợp với các cơ quan an ninh thông tin của Bộ Công an để bảo vệ, chống hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp, làm sai lệch thông tin, dữ liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh thông tin.

Mục 8. KIỂM SOÁT AN NINH NỘI BỘ

Điều 82. Nguyên tắc thực hiện kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

1. Kiểm soát an ninh nội bộ được thực hiện thông qua việc xây dựng, duy trì thực hiện tiêu chuẩn chức danh công việc; nội quy, kỷ luật của cơ quan, đơn vị và công tác phối hợp với cơ quan chức năng trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và thẩm tra xác minh nhân thân.

2. Kiểm soát an ninh nội bộ phải được thực hiện trong tất cả các quy trình tuyển dụng, huấn luyện, đào tạo, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm, đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, điều động của mỗi cơ quan, đơn vị; phải kết hợp chặt chẽ công tác kiểm soát an ninh nội bộ với công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Đơn vị tuyển dụng, quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải tiến hành kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp; thẩm tra, xác minh lý lịch và nhân thân tại nơi cư trú và nơi họ đã làm việc trước khi quyết định tuyển dụng; định kỳ đánh giá nhân viên hàng không. Khi có biểu hiện bất thường về phẩm chất đạo đức, sinh hoạt, kinh tế, ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy của cơ quan, đơn vị, phải xác minh làm rõ.

Điều 83. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm soát an ninh nội bộ

1. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không dân dụng; tạm đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không có dấu hiệu vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc theo yêu cầu của cơ quan an ninh có thẩm quyền thuộc Bộ Công an; chỉ đạo các doanh nghiệp ngành hàng không dân dụng trong việc phối hợp với các cơ quan công an liên quan thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ.

2. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải ban hành quy định về kiểm soát an ninh nội bộ gồm các nội dung sau:

a) Xác minh và định kỳ thực hiện đánh giá nhân thân đối với nhân viên hàng không khi tuyển dụng, đề nghị cấp phép, năng định chuyên môn và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên thuộc đơn vị mình;

b) Thường xuyên quán triệt, nhắc nhở, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, phẩm chất đạo đức của cán bộ, nhân viên trong cơ quan, đơn vị;

c) Kiểm soát chặt chẽ việc đi lại, mang đồ vật ra, vào khu vực hạn chế, lên, xuống tàu bay; hoạt động thực hiện nhiệm vụ của nhân viên trong các khu vực hạn chế;

d) Có người hoặc bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát an ninh nội bộ, lập hồ sơ quản lý nhân viên; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an, chính quyền địa phương để trao đổi, nắm bắt thông tin liên quan đến người lao động; tích cực, chủ động phối hợp kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động, vi phạm pháp luật và khắc phục thiếu sót; triển khai công tác kiểm tra lý lịch nhân viên hàng năm;

đ) Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải xây dựng các tiêu chí để tuyển dụng, bố trí sắp xếp phù hợp đối với từng loại nhân viên hàng không; phối hợp với cơ quan an ninh có thẩm quyền thuộc Bộ Công an để kiểm tra nhân thân đối với nhân viên hàng không là người nước ngoài.

Chương III
XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Mục 1. XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 84. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Mọi vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được xử lý kịp thời, nhanh chóng, không để vi phạm lan rộng và hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả.

Việc xử lý căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Việc lên tàu bay của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để trấn áp, cưỡng chế, áp giải đối tượng vi phạm được thực hiện theo yêu cầu của người chỉ huy tàu bay hoặc Cảng vụ hàng

không trừ trường hợp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bố trí nơi xử lý, giải quyết vụ việc vi phạm; bảo đảm việc xử lý vi phạm nhanh chóng, an toàn, thuận tiện và hạn chế đến mức tối thiểu việc gây ách tắc làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay và chuyến bay.

3. Cảng vụ hàng không chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay để thống nhất những vấn đề cụ thể trong phối hợp xử lý vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay và giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không phối hợp với công an, chính quyền địa phương trong xử lý vi phạm về an ninh hàng không xảy ra tại khu vực nằm ngoài cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

4. Cảng vụ hàng không, các đơn vị, doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có lực lượng bảo vệ phải tổ chức trực ban 24 giờ trong ngày và trong cả tuần, công bố số máy điện thoại trực để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

5. Hồ sơ, thủ tục, biên bản, quyết định xử lý vi phạm phải được lập và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 85. Trách nhiệm, quy trình xử lý đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ của doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xử lý ban đầu các vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng xảy ra tại cảng hàng không, sân bay thuộc quyền quản lý. Quy trình xử lý như sau:

a) Ngăn chặn hành vi vi phạm; tạm giữ đối tượng vi phạm;

b) Kiểm tra, lục soát, thu giữ tang vật, chứng cứ;

c) Đưa người, tang vật vi phạm về nơi quy định để giải quyết, xử lý vi phạm;

d) Thông báo ngay vụ việc cho Cảng vụ hàng không, cơ quan công an (nếu vụ việc có dấu hiệu hình sự) và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Bảo vệ hiện trường nếu xét thấy cần thiết;

e) Lập hồ sơ ban đầu (Biên bản vi phạm, Biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này) và bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong quá trình xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

3.[36] Đối với tàu bay đang khai thác, tàu bay đang bay quy trình xử lý vi phạm thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 Điều 62 Thông tư này. Nhân viên an ninh trên không hoạt động bí mật, không tham gia xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, hãng hàng không và lực lượng bảo vệ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không xảy ra tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không, sân bay do mình quản lý; quy trình xử lý theo quy định tại các điểm a, b, c và đ của khoản 1 Điều này; lập hồ sơ ban đầu (Biên bản vi phạm, Biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này), bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan chức năng tại địa phương và phối hợp xử lý tiếp theo đối với các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

5. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm cử người trực tiếp đến ngay địa điểm đang giải quyết vi phạm ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này để giám sát việc xử lý ban đầu, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, thẩm quyền giải quyết vụ việc và quyết định việc xử lý tiếp theo như sau:

a) Trường hợp vi phạm xét thấy chưa tới mức xử phạt hành chính thì tiếp nhận vụ việc và có văn bản yêu cầu cơ quan có người vi phạm xem xét xử lý kỷ luật đối với người vi phạm và thông báo kết quả xử lý cho Cảng vụ hàng không biết;

b) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không, Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Bộ Giao thông

---

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

vận tải thì Cảng vụ hàng không nhận bàn giao và tiến hành các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cho người, cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan công an, vi phạm có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan công an để cơ quan công an xử lý, điều tra. Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan công an trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

d) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan thụ lý vụ việc trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

đ) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan, thì Giám đốc Cảng vụ hàng không phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt để quyết định theo quy định của pháp luật.

6. Khi bàn giao vụ việc cho Cảng vụ hàng không, Công an, Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này và phối hợp thực hiện các biện pháp dẫn giải, giữ người, phương tiện, tang vật vi phạm khi được yêu cầu.

7. Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác phải trang bị cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của đơn vị mình máy ghi hình, máy ghi âm, máy ảnh, ống nhòm và các thiết bị hỗ trợ phù hợp khác để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm và ghi nhận, thu thập lại toàn bộ diễn biến của vụ việc vi phạm một cách chính xác, đầy đủ, phục vụ cho việc xử lý được nhanh chóng, đúng người, đúng tính chất, mức độ vi phạm và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các doanh nghiệp khác hoạt động tại

cảng hàng không, sân bay phải trang bị máy điện thoại có chức năng hiển thị, lưu số gọi đến, gọi đi và ghi âm với thời gian tối thiểu 03 giờ đồng hồ cho các số điện thoại trực ban, trực khẩn nguy, đường dây nóng, giải đáp thông tin cho hành khách. Các đơn vị phải sử dụng dịch vụ thông báo nhanh số máy gọi đi, gọi đến các số máy điện thoại của đơn vị để kịp thời tra cứu khi nhận được thông tin đe dọa qua điện thoại; thiết lập hòm thư tiếp nhận các thông tin về các vụ việc vi phạm, các hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 86. Giảng bình, rút kinh nghiệm vụ việc vi phạm

1. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót:

a) Căn cứ tính chất, mức độ của từng vụ việc vi phạm xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không quyết định giao cho cơ quan, đơn vị thích hợp chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp cơ sở hoặc Cảng vụ hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cảng vụ hàng không hoặc đề nghị Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình;

b) Đơn vị chủ quản cơ sở nằm ngoài cảng hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình đối với vụ việc vi phạm xảy ra tại cơ sở của mình;

c) Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cục đối với vụ việc vi phạm nghiêm trọng, phức tạp hoặc theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

2. Thời gian tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình phải được tiến hành sớm nhất có thể, chậm nhất không quá 05 ngày làm việc đối với cấp cơ sở, 07 ngày làm việc đối với cấp Cảng vụ và 10 ngày làm việc đối với cấp Cục kể từ ngày xảy ra vi phạm.

3. Nội dung rút kinh nghiệm, giảng bình tối thiểu phải bao gồm:

a) Biện pháp, quy trình xử lý của đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xử lý vụ việc vi phạm: đúng, sai, nguyên nhân;

b) Công tác phối hợp xử lý vụ việc vi phạm của đơn vị, cá nhân liên quan: đúng, sai, nguyên nhân;

c) Những bất cập trong các quy định của pháp luật, Chương trình, Quy chế an ninh hàng không, quy định và các văn bản có liên quan cần phải được bổ sung, sửa đổi;

d) Những sơ hở, thiếu sót của từng đơn vị, cá nhân liên quan, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

MỤC 2. ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 87. Quy định chung

1. Việc đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật và tuân thủ phương án khẩn nguy đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Khi nhận được thông tin về một hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu liên quan có trách nhiệm phân tích, đánh giá sơ bộ về tính chất của thông tin để xem xét triển khai phương án khẩn nguy thích hợp; báo cáo ngay thông tin, kết quả đánh giá và kiến nghị biện pháp đối phó bằng cách thức phù hợp về Cục Hàng không Việt Nam. Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị mình tổ chức đối phó ban đầu theo quy định; trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam trực tiếp chỉ đạo các lực lượng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy ban đầu.

3. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người. Đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan ưu tiên trợ giúp tối đa để bảo đảm an toàn cho tàu bay trong vùng trời của Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

4. Sau khi kết thúc việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nhanh chóng thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo đưa cảng hàng không, sân bay trở lại hoạt động bình thường; bố trí cho hành khách tiếp tục hành trình trong thời gian sớm nhất có thể.

Điều 88. Kế hoạch khẩn nguy

1. Kế hoạch khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp của cảng hàng không, sân bay do người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phải phù hợp với Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

2. Doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay xây dựng Kế hoạch khẩn nguy của cơ sở bảo đảm hoạt động bay; doanh nghiệp chủ

quản cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phải xây dựng Kế hoạch ứng phó không lưu trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện. Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu phải phù hợp với Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

3. Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp được quản lý theo chế độ mật.

4. Văn phòng thường trực Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia chủ trì phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn xây dựng và thực hiện các Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu.

Điều 89. Quản lý thông tin và họp báo

Việc cung cấp thông tin, phát ngôn và họp báo liên quan đến hành vi can thiệp bất hợp pháp và công tác đối phó thực hiện theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 90. Chế độ báo cáo về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị chủ quản của khu vực hạn chế ngoài cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo ban đầu bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo 02 lần trên 01 ngày trong thời gian đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo sơ bộ trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc đối phó.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản trong trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo của đơn vị về công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 91. Thông báo cho quốc gia liên quan và báo cáo cho ICAO

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo những thông tin về tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp hạ cánh trong lãnh thổ Việt Nam cho nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan trong thời gian sớm nhất có thể.

Thông tin bao gồm: loại tàu bay, số hiệu chuyến bay, đường bay, số lượng hành khách, tổ bay trên chuyến bay và những yêu cầu đề nghị các quốc gia liên quan trợ giúp. Thông báo được gửi tới các địa chỉ sau qua đường fax:

a) Quốc gia nơi tàu bay đăng ký;

b) Quốc gia của nhà khai thác tàu bay;

c) Quốc gia có các công dân bị chết, bị thương hoặc bị giữ do hành vi can thiệp bất hợp pháp;

d) Quốc gia có công dân là hành khách trên tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

đ) ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo ICAO về các hành vi can thiệp bất hợp pháp như sau:

a) Báo cáo sơ bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 30 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra;

b) Báo cáo chính thức theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 60 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra.

Điều 92. Diễn tập đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành hàng không tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành tối thiểu 03 năm một lần tại 01 cảng hàng không hoặc 01 cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức diễn tập cấp cơ sở tại mỗi cảng hàng không, mỗi cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu tối thiểu 02 năm 01 lần.

3. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể được mời tham quan diễn tập đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải về kế hoạch tổ chức diễn tập cấp ngành.

Chương IV
HỆ THỐNG TỔ CHỨC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGÀNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 93. Các cơ quan, đơn vị chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng

1. Phòng An ninh hàng không thuộc Cục Hàng không Việt Nam có nhiệm vụ tham mưu chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo đảm an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không dân dụng và triển khai trách nhiệm của nhà chức trách hàng không trong lĩnh vực an ninh hàng không.

2. Phòng Giám sát an ninh hàng không thuộc Cảng vụ hàng không khu vực thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tại cảng hàng không, sân bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung phải thiết lập tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của mình độc lập về chức năng, nhiệm vụ và không kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác; trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không gửi Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phải quy định cụ thể người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO và người đứng đầu các bộ phận thuộc tổ chức bảo đảm an ninh hàng không.

4. Người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không và người đứng đầu các bộ phận thuộc tổ chức bảo đảm an ninh hàng không quy định tại khoản 3 Điều này chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác bảo đảm an ninh hàng không và có đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm để triển khai thực hiện Chương trình, Quy chế an ninh hàng không.

5. Hãng hàng không Việt Nam khai thác các chuyến bay thường lệ ở nước ngoài phải chỉ định người chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng tại quốc gia đó và phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam.

6. Các hãng hàng không nước ngoài khai thác các chuyến bay thường lệ đến Việt Nam phải chỉ định và thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam người chịu trách nhiệm về an ninh hàng không của hãng tại Việt Nam.

7. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức bảo đảm an ninh hàng không quy định tại các khoản 1, 2, và 3 của Điều này.

Điều 94. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng và tiêu chuẩn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không[37]

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không là lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không thực hiện chức năng tham mưu, quản lý, giám sát và trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, phòng ngừa, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp và vụ việc vi phạm an ninh hàng không theo quy định.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bao gồm cán bộ, nhân viên của các tổ chức an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung được quy định tại các khoản 3 Điều 93 Thông tư này.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế của cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải được đào tạo huấn luyện nghiệp vụ phù hợp với chức danh, nhiệm vụ công việc được giao theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không:

a) Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không nghiện ma túy (sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng).

Điều 95. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung

1. Tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không (Post Hoder)

---

[37] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Là công dân Việt Nam, có kiến thức, kinh nghiệm về hàng không, an ninh hàng không và có thời gian công tác liên tục tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực an ninh hàng không;

b) Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học trong nước hoặc quốc tế về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không.

2. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Tham mưu cho Giám đốc Cảng hàng không thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Chủ trì xây dựng Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành; triển khai kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp đã được phê duyệt;

c) Duy trì liên lạc hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trong nội bộ, Cảng vụ hàng không, hãng hàng không, các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan tại cảng hàng không; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không và tinh thần cảnh giác của tất cả những người làm việc tại cảng hàng không, sân bay;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng hàng không trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Đảm bảo năng lực ứng phó hiệu quả đối với các mối đe dọa, vụ việc vi phạm an ninh hàng không; thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu, khuyến cáo an ninh hàng không của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền;

e) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không theo thẩm quyền;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong quy hoạch, thiết kế xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng của

cảng hàng không, sân bay; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, mua sắm trang bị, thiết bị an ninh hàng không;

h) Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của tất cả các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và các hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay.

3. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc điều hành) hãng hàng không thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của hãng hàng không được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Xây dựng Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình an ninh hàng không của hãng sau khi được phê duyệt;

b) Triển khai các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của hãng hàng không theo quy định;

c) Duy trì liên lạc hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trong nội bộ, Cảng vụ hàng không, tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan tại cảng hàng không, sân bay; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không của tất cả cán bộ, nhân viên của hãng hàng không;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Tổng giám đốc (Giám đốc điều hành) hãng hàng không trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Đảm bảo năng lực ứng phó hiệu quả với mối đe dọa, vụ việc vi phạm an ninh hàng không đối với hãng hàng không;

e) Trực tiếp phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ nhận dạng tổ bay thuộc thẩm quyền của hãng hàng không;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong việc khai thác tàu bay, trang thiết bị an ninh hàng không, hệ thống thông tin của hãng hàng không; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

h) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định; khảo sát, đánh giá an ninh hàng không; các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

i) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân của hãng hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không;

k) Triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường trên các chuyến bay hoặc đường bay cụ thể theo quy định;

l) Nghiên cứu, nắm vững luật và các quy định về an ninh hàng không liên quan được áp dụng trong các khu vực, quốc gia mà hãng hàng không có các chuyến bay khai thác thường lệ; triển khai các quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến khai thác vận chuyển hàng không cho các tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không cho hãng tại nước ngoài.

4. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật, xây dựng Quy chế an ninh hàng không và triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế sau khi được phê duyệt;

b) Triển khai thực hiện đầy đủ hiệu quả các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp;

c) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp. Chịu sự kiểm soát chất lượng của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này; thực hiện các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam và Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

5. Người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu có nhiệm vụ như sau:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Chủ trì xây dựng Quy chế an ninh hàng không và triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế sau khi được phê duyệt;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ hiệu quả các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp;

c) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp; chủ trì tổ chức đánh giá đe dọa và nguy cơ đối với các cơ sở bảo đảm hoạt động bay. Chịu sự kiểm soát chất lượng của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện và theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu của tất cả các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và các hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại các cơ sở của doanh nghiệp;

e) Tổ chức thẩm định, đề nghị phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh bộ;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong quy hoạch, thiết kế xây dựng mới và cải tạo nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, mua sắm trang bị, thiết bị an ninh hàng không của doanh nghiệp; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

6. Người được chỉ định chịu trách nhiệm về an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Trình Cục Hàng không Việt Nam Chương trình an ninh hàng không của hãng và triển khai thực hiện Chương trình sau khi được chấp thuận;

b) Duy trì liên lạc hiệu quả với Cục Hàng không Việt Nam và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các sự cố

an ninh hàng không liên quan; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không của tất cả cán bộ, nhân viên của hãng;

c) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân của hãng hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng.

Điều 96. Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là người trực tiếp thực hiện kiểm tra, soi chiếu, giám sát và lục soát an ninh hàng không bao gồm nhân viên kiểm soát, nhân viên soi chiếu và nhân viên cơ động, khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép và năng định còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

2.[38] Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có hiệu lực là 07 năm. Thời hạn hiệu lực của năng định nhân viên soi chiếu là 12 tháng; nhân viên cơ động, nhân viên kiểm soát là 24 tháng. Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian trên 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ thi cấp năng định lại.

3. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được cấp giấy phép và năng định khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

b) Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh hàng không phù hợp do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức; đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép, năng định cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

---

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu;

c) 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

5. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính giấy phép trong trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, bị hỏng. Trường hợp mất giấy phép có văn bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

c) Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp (trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực);

d) 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

6. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

c) Bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu với trường hợp bổ sung năng định;

d) Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

7. Thủ tục cấp giấy phép, năng định:

a) Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 30 ngày đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi

năng định; tối đa 10 ngày đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

8. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bị Cục Hàng không Việt Nam thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khi không còn đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng trong các trường hợp: bị kỷ luật khiển trách; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa gây ra hậu quả mất an ninh, an toàn; uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng đối với các trường hợp kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo;

d) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 06 tháng đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ không đúng với nghiệp vụ chuyên môn được cấp phép, năng định;

đ) Thu hồi vĩnh viễn trong trường hợp: sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng; có hành vi vi phạm hoặc sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ gây ra hậu quả mất an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; có hành vi che dấu lỗi vi phạm quy định về an toàn, an ninh hàng không.

9. Người bị thu hồi giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không quy định tại các điểm b, c và d khoản 8 của Điều này khi trở lại làm việc phải qua kỳ kiểm tra để cấp lại giấy phép.

Điều 97. Đánh giá chất lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Hàng năm, Thủ trưởng đơn vị quản lý nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải đánh giá bằng văn bản nhân viên kiểm soát an ninh về các nội dung sau đây:

a) Năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

b) Chấp hành nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị;

c) Trách nhiệm, thái độ phục vụ trong công việc.

2. Đánh giá quy định tại khoản 1 của Điều này là căn cứ để xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở 4 mức độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém. Kết quả phân loại là cơ sở để bố trí sắp xếp nhân viên và đào tạo, huấn luyện bổ sung nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Trường hợp xếp loại kém phải đưa ra biện pháp và thời hạn khắc phục hoặc đưa ra khỏi lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

3. Văn bản đánh giá và xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải được lưu giữ tại đơn vị chủ quản.

Chương V
CÔNG TRÌNH, TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ PHỤC VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 98. Yêu cầu an ninh đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không

1. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không khi lập dự án, khảo sát, thiết kế xây dựng phải tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không được quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải thẩm định các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 99. Các công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không

1. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không của nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh vành đai sân bay: hàng rào, đường tuần tra, hệ thống cảnh báo xâm nhập, hệ thống chiếu sáng, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không, hệ thống đèn chiếu sáng vị trí đỗ của tàu bay ban đêm;

b) Cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối vào sân đỗ tàu bay và cổng, cửa, lối đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế;

c) Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

d) Hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ nhà ga, sân đỗ tàu bay, đường giao thông liền kề nhà ga và phòng giám sát điều khiển hệ thống ca-me-ra;

đ) Điểm (khu vực) kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa gồm cả phòng lục soát, kiểm tra trực quan tại nhà ga;

e) Phòng trực ban của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, Cảng vụ hàng không tại nhà ga; phòng quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nhà ga quốc tế.

2. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không nằm ngoài nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Hàng rào, hệ thống đèn chiếu sáng vành đai; hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ các khu vực hạn chế; hàng rào ngăn cách khu vực hạn chế với khu vực công cộng;

b) Bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối vào khu vực hạn chế từ khu vực công cộng.

3. Yêu cầu đối với công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phải được kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật và phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch; khi có hư hỏng phải khắc phục kịp thời;

b) Hàng rào an ninh giữa khu vực hạn chế với khu vực công cộng phải có khả năng ngăn chặn, cảnh báo việc xâm nhập qua hàng rào;

c) Số lượng cổng, cửa vào khu vực hạn chế từ khu vực công cộng phải hạn chế ở mức tối thiểu cần thiết;

d) Bảo đảm sự tách biệt giữa hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã được kiểm tra an ninh hàng không với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi chưa kiểm tra an ninh hàng không;

đ) Vị trí trung tâm khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp phải thuận tiện cho việc xử lý các tình huống khẩn cấp và thực hiện kế hoạch khẩn nguy;

e) Bảo đảm tách biệt luồng hành khách đi, đến, nối chuyến và quá cảnh; luồng hành khách, hàng hóa quốc tế và nội địa;

g) Khu vực bố trí điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý phải có đủ diện tích để tránh gây ùn tắc và bảo đảm thuận lợi cho việc kiểm tra, soi chiếu hành khách, hành lý;

h) Khu vực cách ly phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững;

i) Sử dụng nguyên vật liệu phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa những tổn thất, thiệt hại đối với người, thiết bị của nhà ga, sân bay khi xảy ra cháy, nổ;

k) Đến năm 2020, các cảng hàng không, sân bay đã xây dựng nhưng chưa có công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Yêu cầu, tiêu chuẩn về hàng rào, cổng, cửa, rào chắn, hệ thống chiếu sáng, hệ thống ca-me-ra giám sát, vọng gác, đường tuần tra an ninh được quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 100. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

1. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không bao gồm:

a) Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phát hiện chất nổ, vũ khí, vật phẩm nguy hiểm;

b) Phương tiện sử dụng cho tuần tra; thiết bị ghi âm, ghi hình, quan sát, nhận dạng, phát hiện giấy tờ, tài liệu giả chuyên dụng; thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

c) Phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ chỉ huy, điều hành, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; mũ, áo giáp và các trang bị, công cụ chuyên dụng cho đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hầm, thiết bị phục vụ xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm;

d) Dụng cụ, thiết bị sử dụng cho thử nghiệm, đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Yêu cầu đối với thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không:

a) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b) [39]Hệ thống máy soi tia X phải có bộ mẫu thử phù hợp tính năng kỹ thuật của máy soi; cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ phải có bộ mẫu thử của nhà sản xuất hoặc đơn vị vận hành, khai thác;

---

[39] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Hệ thống thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành;

d) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch; hệ thống máy soi tia X phải được cấp phép an toàn bức xạ của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Khi đầu tư mới thiết bị an ninh hàng không, phải đảm bảo thiết bị đáp ứng công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Điều 101. Quy định về khai thác, bảo trì thiết bị, phương tiện an ninh hàng không

1. Khai thác, quản lý, bảo trì thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất và đơn vị khai thác, sử dụng thiết bị, phương tiện; phải có sổ sách theo dõi các hỏng hóc và việc sửa chữa, bảo trì thiết bị, phương tiện.

2.[40] Dữ liệu hình ảnh từ máy soi tia X, ca-me-ra giám sát an ninh phải được lưu giữ tối thiểu 45 ngày.

3. Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay phải được kiểm tra bằng bộ mẫu thử trước khi sử dụng hàng ngày, hàng tuần hoặc bị ngừng do mất điện trong khi hoạt động.

a) Đối với máy soi tia X: yêu cầu kiểm tra, các bước tiến hành kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với cổng từ: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với thiết bị phát hiện kim loại cầm tay: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ, ca-me-ra giám sát an ninh, hệ thống cảnh báo xâm nhập phải định kỳ bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất để bảo đảm các thiết bị hoạt động ổn định.

---

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Thiết bị an ninh hàng không khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn phải ngừng khai thác sử dụng. Sổ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất phải được ghi chép rõ ràng, chính xác và phải có các thông tin sau:

a) Tên thiết bị, vị trí, người, thời gian lắp đặt;

b) Ngày, tháng, năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng; nội dung, kết quả kiểm tra, bảo dưỡng; tên nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

5. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không; phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị; cập nhật thiết bị bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

6. Đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh hàng không chịu trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị an ninh hàng không.

Điều 102. Quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, trang bị, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác thực hiện thủ tục xin giấy phép trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ, phải có giấy phép sử dụng và xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra; khi đi công tác ra ngoài cơ quan, đơn vị, nếu được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ phải mang theo giấy phép sử dụng, giấy điều động công tác của Thủ trưởng cơ quan và giấy tờ về nhân thân để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

3. Đối tượng được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ:

a) Đối tượng nêu tại các điểm a, b, d và đ khoản 4 Điều này được trang bị, sử dụng mũ chống đạn, áo chống đạn; lá chắn, găng tay điện; lựu đạn hơi cay; súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; các loại phương tiện xịt hơi cay, gây mê; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

b) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên an ninh kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác tại các trạm gác thuộc khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, cổng, cửa vào, ra tiếp giáp sân bay, khu vực hạn chế, khu vực công cộng (nhà ga, bãi đỗ xe) được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

c) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ tăng cường đảm bảo an ninh cho chuyến bay, cưỡng chế, áp giải hành khách gây rối, hành khách bị từ chối nhập cảnh được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

d) Trưởng ca trực khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su;

đ) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, áp tải hàng hóa ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay được trang bị, sử dụng roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su.

4. Những đối tượng quy định dưới đây được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng khi làm nhiệm vụ:

a) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

b) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi làm nhiệm vụ trong thời gian thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường cấp độ 2 và cấp độ 3;

c) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội);

d) Nhân viên an ninh cơ động, nhân viên kiểm soát an ninh làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác ban đêm;

đ) Nhân viên an ninh trên không khi thực hiện nhiệm vụ được trang bị súng và đạn phù hợp sử dụng trên tàu bay.

5. Bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị. Khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc kết thúc ca trực phải bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người có trách nhiệm để quản lý hoặc bàn giao cho người trực ca sau. Việc bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo chặt chẽ và cập nhật vào sổ, có chữ ký của người nhận và người giao;

b) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ sử dụng thường xuyên, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có tủ đựng vũ khí, công cụ hỗ trợ riêng biệt, duy trì chế độ bảo dưỡng hàng ngày và tổ chức kiểm tra chất lượng bảo quản vào cuối tuần;

c) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ không sử dụng thường xuyên phải bố trí người chuyên trách bảo quản, phải có kho, tủ riêng để bảo quản. Kho bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật an toàn phòng, chống cháy, nổ, có nội quy ra, vào kho; vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo quản trong kho phải được bôi dầu, mỡ thường xuyên; phải sắp xếp hợp lý, để riêng từng chủng loại, nhãn hiệu. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật, tiến hành bảo dưỡng theo đúng định kỳ và quy trình bảo dưỡng của nhà sản xuất;

d) Người được giao chuyên trách bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm; đã qua lớp đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra, bảo quản và có sổ sách theo dõi việc bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ.

6. Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có chứng nhận đã được đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan công an, quân đội hoặc đơn vị được phép theo quy định của pháp luật thì mới đủ điều kiện được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

7. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí, công cụ hỗ trợ; thời hạn giấy phép sử dụng; vũ khí, công cụ hỗ trợ bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

8. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ chịu trách nhiệm ban hành quy định quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Chương VI
KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 103. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại tất cả các cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong cả nước. Cảng vụ hàng không thực hiện kiểm tra, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại các cảng hàng không, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi quản lý. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ tại cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của mình. Các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ và đánh giá theo quy định.

2. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không được thực hiện theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng hàng năm hoặc đột xuất phát sinh khi xét thấy cần thiết. Không thực hiện thử nghiệm đối với tàu bay đang bay hoặc chuyến bay chuyên cơ.

3. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không hàng năm bao gồm các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá được xây dựng căn cứ vào đánh giá nguy cơ, các nguồn lực về con người, kinh phí được cấp và các yếu tố khác có liên quan và phải bảo đảm tính thống nhất không chồng chéo trong toàn ngành, tính bí mật đối với hoạt động thử nghiệm bí mật. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

a) Hàng năm trước ngày 15 tháng 10, Cảng vụ hàng không xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Hàng năm trước ngày 30 tháng 10, Cục Hàng không Việt Nam ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, gửi các đơn vị và doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không;

c) Hàng năm trước ngày 30 tháng 11, căn cứ kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát.

4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá và hoạt động khảo sát, điều tra đột xuất do người có thẩm quyền quyết định khi xét thấy cần thiết.

5. Cục Hàng không Việt Nam ban hành Sổ tay Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không để triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất trong toàn ngành.

Điều 104. Yêu cầu đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

1. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không:

a) Có quyết định thành lập đoàn của người có thẩm quyền. Kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra phải được người ra quyết định thành lập đoàn phê duyệt;

b) Trưởng đoàn chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra và báo cáo kết quả thực hiện với người ra quyết định thành lập đoàn chậm nhất 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra;

c) Trưởng đoàn đình chỉ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của người có hành vi vi phạm, thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn an ninh hàng không trong khi thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra;

d) Sau 15 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản kết luận, trong đó nêu rõ những sơ hở, thiếu sót và yêu cầu, khuyến cáo khắc phục, nếu có;

đ) Sau 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, đơn vị chịu sự kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra phải gửi kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục;

e) Sau 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kế hoạch khắc phục, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót gửi đơn vị, trong đó nêu rõ việc chấp thuận hay không chấp thuận với từng nội dung. Với những nội dung không chấp thuận, phải trao đổi thống nhất lại với đơn vị; trường hợp không thống nhất được, người ra quyết định thành lập đoàn sẽ quyết định.

2. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra, đánh giá của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp khác có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không:

a) Phải có kế hoạch kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra, đánh giá được người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không phê duyệt;

b) Sau 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm nội bộ, đánh giá phải ban hành kết luận và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót sau kiểm tra, khảo sát, điều tra, trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục, nếu có;

c) Sau 15 ngày, kết luận kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót phải gửi Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan. Đối với kết luận của hoạt động đánh giá phải được gửi đến các đơn vị chịu sự đánh giá, Cảng vụ hàng không liên quan và Cục Hàng không Việt Nam;

d) Hoạt động đánh giá của các hãng hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không nước ngoài do hãng hàng không chịu chi phí phải có sự tham gia của Cục Hàng không Việt Nam. Hoạt động đánh giá của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép.

3. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

4. Hồ sơ, tài liệu hoạt động thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không phải được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ.

Điều 105. Thử nghiệm an ninh hàng không

1. Thử nghiệm bí mật phải bảo đảm bí mật nội dung, thời gian, địa điểm, kế hoạch, phương án và toàn bộ quá trình thử nghiệm, chỉ thành viên trong đoàn mới được phổ biến. Thử nghiệm công khai phải thông báo trước nội dung, thời gian, địa điểm thử nghiệm cho đơn vị là đối tượng chịu sự thử nghiệm. Căn cứ kế hoạch thử nghiệm được phê duyệt, trưởng đoàn thử nghiệm xây dựng phương án thực hiện cho từng thử nghiệm cụ thể.

2. Phải bảo đảm an ninh, an toàn cho người, tài sản, các hoạt động của người thử nghiệm và đối tượng chịu sự thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm. Khi thử nghiệm bí mật bị phát hiện, người thử nghiệm phải xuất trình ngay quyết định thử nghiệm cùng với Thẻ giám sát viên an ninh hàng không hoặc giấy tờ về nhân thân có ảnh của người thử nghiệm cho đối tượng chịu sự thử nghiệm biết, đối tượng chịu sự thử nghiệm phải hợp tác và bảo đảm an ninh, an toàn cho người, phương tiện, đồ vật thử nghiệm.

3. Ngay sau cuộc thử nghiệm kết thúc, người thử nghiệm phải tiến hành lập biên bản ghi nhận kết quả cuộc thử nghiệm và yêu cầu đối tượng chịu sự thử nghiệm ký vào biên bản. Kết thúc cuộc thử nghiệm, trưởng đoàn thử nghiệm phải tổ chức họp với các thành phần liên quan tại đơn vị chịu sự thử nghiệm để rút kinh nghiệm, giảng bình và thông báo sơ bộ về kết quả của cuộc thử nghiệm với người đứng đầu hoặc đại diện được ủy quyền của đơn vị chịu sự thử nghiệm.

4. Thử nghiệm bí mật được phép sử dụng người trong lực lượng công an, quân đội hoặc hành khách có nhân thân tốt và đủ độ tin cậy để bảo đảm yếu tố bí mật và hiệu quả của hoạt động thử nghiệm.

Điều 106. Khắc phục sơ hở, thiếu sót qua kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra

1. Trong khi kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra xét thấy những sơ hở, thiếu sót cần phải khắc phục ngay nếu không sẽ gây mất an ninh, an toàn, trưởng đoàn lập biên bản yêu cầu phải khắc phục ngay hoặc chuyển giao cho người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động để bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Đơn vị được đánh giá, sau khi nhận được kết luận đánh giá, trong đó bao gồm các kiến nghị khắc phục sơ hở, thiếu sót phải xây dựng kế hoạch khắc phục, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam; trường hợp có những kết luận, kiến nghị chưa chính xác thì có văn bản phản hồi gửi đến tổ chức thực hiện đánh giá và Cục Hàng không Việt Nam.

3. Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của cơ quan ban hành văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra đánh giá thực tế việc thực hiện kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

4. Trường hợp không khắc phục đúng theo kế hoạch đã được chấp thuận, bộ phận kiểm soát chất lượng của cơ quan ban hành văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục khiếm khuyết, xem xét kiến nghị áp dụng hình thức chế tài cần thiết để bảo đảm việc khắc phục.

Điều 107. Quy định về Giám sát viên an ninh hàng không, Giám sát viên an ninh nội bộ và người được cấp Thẻ, Giấy phép của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia

1. Giám sát viên an ninh hàng không là người thuộc Cảng vụ hàng không và Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng và các hoạt động giám sát an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam bổ nhiệm và cấp Thẻ giám sát viên an ninh hàng không. Mẫu Thẻ giám sát viên an ninh hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giám sát viên an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ có các quyền hạn sau đây:

a) Được phép tiếp cận, lên tàu bay, vào bất cứ khu vực hạn chế nào tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, phương tiện;

b) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan; thu giữ giấy phép, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có liên quan của nhân viên vi phạm; đình chỉ hoạt động của trang thiết bị, phương tiện vi phạm gây uy hiếp an ninh hàng không;

c) Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục có thể; lập biên bản vi phạm, chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Giám sát viên an ninh nội bộ là người của các doanh nghiệp có Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không do doanh nghiệp thực hiện việc bổ nhiệm, cấp thẻ và quy định về quyền hạn và trách nhiệm cho giám sát viên an ninh nội bộ khi thực hiện nhiệm vụ. Mẫu Thẻ giám sát viên an ninh nội bộ phải được thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia và cán bộ của Văn phòng thường trực được cấp Thẻ; phương tiện của cơ quan, đơn vị phục vụ trực tiếp thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia được cấp Giấy phép có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không quốc gia tại các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không;

b) Tiếp cận và vào tất cả các khu vực hạn chế, phương tiện, thiết bị, tàu bay thuộc phạm vi giám sát an ninh hàng không theo quy định trong Chương trình

an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; ra, vào Trung tâm chỉ huy khẩn nguy, khu vực hiện trường các vụ can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

c) Sử dụng Thẻ, Giấy phép đúng mục đích, nhiệm vụ có liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không; xuất trình Thẻ còn hiệu lực khi thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực hạn chế thuộc ngành hàng không dân dụng;

d) Phương tiện có Giấy phép Ủy ban An ninh hàng không quốc gia ra, vào khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay được miễn các khoản thu khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Giám sát viên an ninh hàng không, Giám sát viên an ninh nội bộ, người được cấp Thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình; sử dụng Thẻ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn của Giám sát viên an ninh hàng không:

a) Có kiến thức, kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực được bổ nhiệm;

b) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 02 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

c) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định.

7. Tiêu chuẩn Giám sát viên an ninh nội bộ:

a) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

b) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định.

Điều 107a. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không[41]

1. Cục Hàng không Việt Nam thiết lập, hướng dẫn hệ thống báo cáo, thống kê về công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không.

---

[41] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. Các tổ chức sau đây có trách nhiệm báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam:

a) Cảng vụ hàng không;

b) Các hãng hàng không;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

3. Khi xảy ra các vụ việc vi phạm an ninh hàng không nghiêm trọng, nhạy cảm, tiềm ẩn nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội các tổ chức quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam như sau: báo cáo ban đầu ngay khi vụ việc xảy ra bằng điện thoại, fax hoặc các phương tiện thông tin khác và báo cáo bằng văn bản trong vòng 24 giờ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV kèm theo Thông tư này; các tổ chức quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều này báo cáo theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

4. Đối với vụ việc khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, đơn vị thực hiện báo cáo như quy định tại Điều 90 Thông tư này.

5. Việc báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không, qua điện thoại, fax hoặc bằng đường bưu điện.

Điều 108. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không thống nhất trong toàn ngành hàng không dân dụng. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không phải được bảo vệ, tránh truy cập trái phép; chỉ những tổ chức, cá nhân được Cục Hàng không Việt Nam cho phép mới được truy cập và khai thác. Cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không gồm:

a) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp và các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

b) Đối tượng phải kiểm tra trực quan hàng không bắt buộc, bị từ chối vận chuyển vì lý do an ninh, cấm vận chuyển bằng đường hàng không;

c) Các sơ hở, thiếu sót qua hoạt động giám sát và các cuộc thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, đánh giá, điều tra an ninh hàng không;

d) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

đ) Hệ thống kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ;

e) Hệ thống tổ chức, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức quản trị cơ sở dữ liệu an ninh hàng không; Cảng vụ hàng không, các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không phải thường xuyên thống kê, cập nhật các nội dung nêu tại khoản 1 của Điều này vào cơ sở dữ liệu.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn về việc thống kê, báo cáo, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không.

Điều 109. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không

1. Rủi ro an ninh hàng không là các mối đe dọa tiềm ẩn trong một giai đoạn nhất định đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không, bao gồm: mối đe dọa từ các loại tội phạm; các sơ hở, thiếu sót trong hệ thống an ninh hàng không; các hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm an ninh hàng không đã xảy ra.

2. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không là việc thu thập, đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn để đề ra các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không phù hợp tương xứng với mức độ đe dọa được xác định.

3. Cục Hàng không Việt Nam thiết lập hệ thống báo cáo tự nguyện, báo cáo mật để thu thập các thông tin an ninh hàng không từ các nguồn hành khách, tổ bay, nhân viên trong ngành hàng không dân dụng và các nguồn khác thích hợp phục vụ cho hoạt động kiểm soát chất lượng và quản lý rủi ro về an ninh hàng không.

4. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với an ninh hàng không trong toàn ngành mỗi năm một lần; chỉ đạo đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không của các cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

5. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay 6 tháng một lần.

6. Hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng, doanh nghiệp 6 tháng một lần.

7. Kết quả đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn được phổ biến cho cơ quan, đơn vị liên quan để xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, biện pháp kiểm soát an ninh hàng không cần thiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không và trong các quy định khác có liên quan.

8. Các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này thành lập Hội đồng đánh giá rủi ro, ban hành nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Hội đồng để thực hiện trách nhiệm được giao. Các thành viên của Hội đồng đánh giá rủi ro về an ninh hàng không hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 110. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật. Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng. Trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; Chương trình an ninh hàng không Việt Nam, Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không Việt Nam, Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không.

2. Phê duyệt, chấp thuận và giám sát thực hiện Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

3. Ban hành, công nhận và giám sát việc thực hiện:

a) Tiêu chuẩn cơ sở, quy trình, chỉ thị, hướng dẫn, tài liệu nghiệp vụ, khuyến cáo về an ninh hàng không;

b) Huấn lệnh, các biện pháp khẩn cấp bao gồm cả việc tạm ngừng hoạt động bay tại sân bay, đình chỉ chuyến bay và hoạt động của phương tiện, thiết bị, nhân viên hàng không, hoạt động của người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ

không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay để bảo đảm an ninh hàng không;

c) Mẫu thẻ, mẫu giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; Thẻ giám sát viên an ninh hàng không; giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn cho cán bộ an ninh hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh mục các vật phẩm nguy hiểm bị cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay tuân thủ theo hướng dẫn kỹ thuật và yêu cầu của ICAO.

4. Tổ chức thực hiện, giám sát công tác cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

5. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thay đổi mẫu, nội dung thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không khi có đánh giá có nguy cơ về an ninh hàng không.

6. Tham gia thẩm định, đánh giá về việc áp dụng các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong việc thiết kế xây dựng, cải tạo cảng hàng không, sân bay.

7. Tổ chức điều tra, xác minh và chỉ đạo xử lý các vụ việc vi phạm, uy hiếp an ninh hàng không; giám sát việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp bao gồm việc đình chỉ chuyến bay và hoạt động của phương tiện, thiết bị, nhân viên hàng không để bảo đảm an ninh hàng không.

8. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trong ngành hàng không dân dụng thực hiện các biện pháp đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, thực hiện các biện pháp khẩn cấp phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia; đánh giá lại các biện pháp, thủ tục an ninh sau khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp và đưa ra các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa các hành vi tương tự tái diễn.

9. Chỉ đạo các đơn vị trong ngành hàng không dân dụng về công tác bảo đảm an ninh hàng không, bao gồm:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; các biện pháp khẩn cấp phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia;

b) Diễn tập khẩn nguy về an ninh hàng không, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không;

c) Hệ thống tổ chức lực lượng chuyên ngành bảo đảm an ninh hàng không trong ngành hàng không dân dụng đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO;

d) Kiểm soát an ninh nội bộ, an ninh thông tin; xử lý, rút kinh nghiệm, giảng bình vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

10. Chỉ đạo Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

11. Kiểm tra, sát hạch, cấp, đình chỉ, thu hồi giấy phép và năng định chuyên môn cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không; cấp, thu hồi thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Thông tư này; bổ nhiệm, đình chỉ và cấp, thu hồi Thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

12. Thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, khảo sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hàng không dân dụng; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố an ninh hàng không; xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc vi phạm an ninh hàng không; kiểm tra, giám sát việc xử lý, khắc phục, giảng bình vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

13. Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá nguy cơ đe dọa đến an ninh hàng không; quyết định áp dụng các biện pháp, quy trình, thủ tục phòng ngừa an ninh hàng không phù hợp với nguy cơ đe dọa.

14. Tổ chức đánh giá và quyết định không cho phép thực hiện các chuyến bay dân dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Tại cảng hàng không, sân bay của Việt Nam không đảm bảo các yêu cầu của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không;

b) Chuyến bay của hãng hàng không không tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

c) Chuyến bay xuất phát từ cảng hàng không, sân bay nước ngoài không đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không.

15. Là đầu mối quan hệ, hợp tác quốc tế về an ninh hàng không của Việt Nam với ICAO, các tổ chức quốc tế liên quan, các quốc gia, chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh hàng không;

b) Tiếp nhận, cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về an ninh hàng không với ICAO, các quốc gia, tổ chức, hãng hàng không nước ngoài;

c) Quyết định thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh khi các quốc gia, hãng hàng không nước ngoài có yêu cầu, kể cả việc khảo sát, đánh giá an ninh hàng không;

d) Thông báo cho ICAO các khác biệt giữa pháp luật Việt Nam về an ninh hàng không với các tiêu chuẩn của ICAO.

16. Kiểm soát việc áp dụng các quy định của pháp luật về giá các dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không để đảm bảo áp dụng giá dịch vụ đúng quy định, phù hợp thực tế.

17. Chấp thuận miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và chịu trách nhiệm trong những trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 111. Trách nhiệm phối hợp của Cục Hàng không Việt Nam

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng:

a) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

b) Tiếp nhận, trao đổi, xử lý thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của đối tượng khủng bố, các loại tội phạm; âm mưu can thiệp bất hợp pháp; đánh giá rủi ro và đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng;

c) Bảo đảm an ninh chuyến bay khai thác thương mại có đối tượng chuyên cơ theo quy định của chuyến bay chuyên cơ;

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan đến bảo đảm an ninh hàng không;

đ) Ký kết và triển khai thực hiện các Quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong công tác bảo đảm an ninh hàng không;

e) Phối hợp với cơ quan an ninh có thẩm quyền của Bộ Công an để kiểm soát nhân thân của nhân viên hàng không nhằm kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao:

a) Giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị can thiệp bất hợp pháp tại nước ngoài; tàu bay mang quốc tịch nước ngoài bị can thiệp bất hợp pháp tại Việt Nam;

b) Trao đổi, xử lý thông tin có yếu tố nước ngoài liên quan đến can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Phối hợp với Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành; cấp quốc gia theo quy định.

4. Phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc thực hiện bảo đảm an ninh hàng không và phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép trên các chuyến bay quốc tế; chỉ đạo việc bố trí thiết bị soi chiếu chung giữa lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và hải quan.

Điều 112. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không; các Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; việc xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay. Tham gia đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Quyết định đình chỉ chuyến bay, yêu cầu tàu bay hạ cánh trong trường hợp chuyến bay vi phạm các quy định về an ninh hàng không, phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; cho phép tàu bay bị đình chỉ tiếp tục thực hiện chuyến bay; tạm giữ tàu bay trong trường hợp không khắc phục vi phạm quy định về an ninh hàng không; đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu thẻ kiểm soát an ninh hàng không và giấy phép nhân viên hàng không của nhân viên hàng không vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không.

3. Xử phạt hành vi vi phạm hành chính xảy ra tại cảng hàng không, sân bay theo thẩm quyền trong lĩnh vực an ninh hàng không; chuyển giao vụ việc vi phạm không thuộc thẩm quyền cho các cơ quan chức năng liên quan.

4. Tổ chức cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không.

5. Chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không, sân bay giải quyết các vướng mắc phát sinh, bảo đảm an ninh, trật tự và hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay. Chủ trì tổ chức đánh giá các vấn đề về bảo đảm an ninh tại cảng hàng không, sân bay trong các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. Giám đốc Cảng vụ hàng không xem xét quyết định và chịu trách nhiệm về những vấn đề về bảo đảm an ninh hàng không phát sinh mà các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại cảng hàng không, sân bay không thống nhất cách giải quyết và báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trao đổi, nắm tình hình về an ninh, trật tự, tội phạm và vi phạm pháp luật khác có liên quan đến cảng hàng không, sân bay.

7. Tiếp nhận, truyền, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin, dữ liệu API (thông tin trước về hành khách) theo quy định. Thông báo để các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân biết về việc thực hiện cung cấp dữ liệu API theo quy định của pháp luật.

Điều 113. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức hệ thống bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này. Đảm bảo nguồn lực về con người, hệ thống kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí cho việc triển khai thực hiện Chương trình an ninh hàng không của cảng. Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không xây dựng Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt. Cung cấp Chương trình an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan, cung cấp phần thích hợp của Chương trình cho các hãng hàng không, cơ quan, doanh nghiệp liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay theo yêu cầu. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra an ninh của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không theo quy định.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng, bố trí phương tiện, trang bị, thiết bị an ninh hàng không và các điều kiện cần thiết cho việc bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ cảng hàng không, sân bay và duy trì trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

4. Chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không xác định ranh giới các khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay. Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ theo quy định.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng thu thập thông tin, tình hình và đánh giá rủi ro tại cảng hàng không, sân bay. Tham mưu cho Cục Hàng không Việt Nam, Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo về tăng cường các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không thích hợp.

6. Xây dựng Trung tâm Khẩn nguy cảng hàng không, sân bay, trụ sở chính để chỉ huy điều hành việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay. Xây dựng phương án khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay; chỉ huy, điều hành phối hợp các đơn vị hàng không hoạt động tại cảng hàng không, sân bay thực hiện phương án khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay; bàn giao quyền chỉ huy trưởng cho đại diện của công an hoặc quân đội tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật khi đại diện đó đã sẵn sàng tiếp nhận, chịu sự chỉ huy của chỉ huy trưởng sau khi đã bàn giao. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở, tham gia diễn tập cấp ngành, cấp quốc gia theo quy định.

7. Bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không được áp dụng khi thiết kế, xây dựng, cải tạo các công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

8. Xây dựng và duy trì các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục cụ thể cho hoạt động kiểm tra, giám sát an ninh hàng không để thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt. Tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ trong việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh hàng không để khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

9. Tổ chức ký kết các Quy chế phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền địa phương, đơn vị công an, quân đội trên địa bàn cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị liên quan.

10. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định pháp luật.

11. Phối hợp với Cảng vụ hàng không, cơ quan công an, quân đội, chính quyền địa phương có liên quan trong việc giải quyết, xử lý các vụ việc, hành vi vi phạm an ninh hàng không và trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

12.[42] Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay theo quy định. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

13. Xây dựng quy định về kiểm soát an ninh nội bộ và thực hiện trong tất cả các quy trình tuyển dụng, huấn luyện, đào tạo, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm, đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, điều động của đơn vị; đề nghị cấp phép, năng định chuyên môn và định kỳ thực hiện đánh giá đối với nhân viên hàng không.

14. Xây dựng quy định về bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không được sử dụng trong hoạt động hàng không dân dụng chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật.

15. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định về an ninh hàng không trừ tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

16. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 114. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Xây dựng Quy chế an ninh hàng không bao gồm phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; cung cấp Quy chế an ninh hàng không được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan và người khai thác cảng hàng không, sân bay. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, thử nghiệm, khảo sát an ninh hàng không của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Tổ chức hệ thống bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm công tác bảo đảm an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của doanh nghiệp; doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

---

[42] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 37 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

3. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại các cơ sở cung cấp dịch vụ nằm ngoài khu vực cảng hàng không, theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, cơ quan công an, quân đội, chính quyền địa phương có liên quan trong việc giải quyết, xử lý các vụ việc, hành vi vi phạm an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của doanh nghiệp.

5. Thu thập thông tin, tình hình, đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở để tham mưu cho Cục Hàng không Việt Nam, Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không tỉnh, thành phố, huyện đảo về tăng cường các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không thích hợp.

6.[43] Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, thử nghiệm, khảo sát, điều tra an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật và Thông tư này. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

7. Trong phạm vi nội bộ do mình quản lý, chịu trách nhiệm:

a) Xác định khu vực hạn chế của doanh nghiệp nằm ngoài cảng hàng không, sân bay. Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ theo quy định;

b) Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không. Tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;

c) Bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không dân dụng do mình quản lý chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh nội bộ theo quy định;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên của mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các

---

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

phương tiện thông tin đại chúng các quy định về an ninh hàng không, trừ tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

8. Tổ chức ký kết các văn bản phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền, công an địa phương, đơn vị quân đội liên quan nơi có cơ sở cung cấp dịch vụ.

9. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở, tham gia diễn tập cấp ngành, cấp quốc gia theo quy định.

10. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 115. Trách nhiệm của hãng hàng không, người khai thác tàu bay

1. Xây dựng Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt, chấp thuận; cung cấp toàn bộ Chương trình an ninh đã được phê duyệt, chấp thuận cho Cảng vụ hàng không liên quan để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện về an ninh hàng không cho những cán bộ, nhân viên có liên quan theo đúng các quy định của pháp luật.

3.[44] Phối hợp với Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và những vi phạm khác liên quan đến tàu bay trong thời gian tàu bay đang khai thác, không khai thác. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không quản lý cảng hàng không liên quan đến hoạt động của hãng hàng không, người khai thác tàu bay.

4. Thực hiện kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trước chuyến bay, phối hợp lục soát an ninh tàu bay khi có thông tin đe dọa theo quy định của pháp luật. Bảo đảm an ninh, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay đang bay.

5. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay Việt Nam

a) Tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, duy trì an ninh, trật tự kỷ luật trên tàu bay và bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác tàu bay ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay;

---

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Tổ chức hệ thống an ninh hàng không độc lập và có người đứng đầu chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng được phê chuẩn;

c) Tổ chức khảo sát, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với hoạt động của hãng tại cảng hàng không, sân bay trong và ngoài nước; bảo đảm kinh phí cho Cục Hàng không Việt Nam tham gia hoạt động khảo sát, đánh giá của hãng tại cảng hàng không nước ngoài;

d) Phối hợp thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định. Tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp cơ sở; tham gia diễn tập cấp ngành, cấp quốc gia theo quy định;

đ) Xác định ranh giới khu vực hạn chế thuộc phạm vi quản lý nằm ngoài cảng hàng không, sân bay. Cấp, quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay theo quy định;

e) Bố trí chỗ ngồi trên chuyến bay cho nhân viên an ninh trên không đi làm nhiệm vụ trên chuyến bay theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không theo quy định;

h) Bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin hàng không của hãng chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin cần được bảo mật bao gồm cả thông tin cá nhân của hành khách;

i) Phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên của mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tuyên truyền, phổ biến các quy định về an ninh hàng không bằng các hình thức thích hợp cho hành khách đi tàu bay;

k) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam.

6. Hãng hàng không nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về an ninh hàng không trong hoạt động khai thác của hãng tại Việt Nam; chỉ định và thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam người chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về bảo đảm an ninh hàng không trong hoạt động khai thác của hãng tại Việt Nam.

7. Trường hợp cảng hàng không, sân bay nước ngoài không đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không thì Cục Hàng không Việt Nam

đánh giá và quyết định không cho phép khai thác các chuyến bay dân dụng xuất phát từ cảng hàng không, sân bay đó đến Việt Nam.

Điều 116. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Thông tư này, Chương trình an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay khi hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, đánh giá an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan và lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị, bảo đảm an ninh hàng không, trật tự cho các hoạt động của mình thông qua việc giao kết hợp đồng dịch vụ bảo đảm an ninh với người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Phối hợp với Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và trật tự xảy ra trong phạm vi quản lý của mình;

c) Đảm bảo cho những cán bộ, nhân viên có liên quan được huấn luyện về an ninh hàng không theo quy định của pháp luật;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp mình ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không;

đ)[45] Các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm có chứa chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt, hãng hàng không phải cung cấp túi nhựa an ninh để đựng chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (kèm theo phiếu mua hàng) khi bán cho hành khách tại các cửa hàng trong khu vực cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế. Phiếu mua hàng có ghi các nội dung: ngày bán hàng (ngày/tháng/năm); mã quốc tế nơi bán (quốc gia, cảng hàng không, hãng hàng không); số chuyến bay; tên hành khách (nếu có); số lượng và danh sách hàng trong túi.

3. Hành khách, người gửi hàng phải thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật về an ninh

---

[45] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

hàng không. Hành khách phải tuyệt đối chấp hành các chỉ dẫn về an ninh, trật tự của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, mệnh lệnh của thành viên tổ bay. Trong trường hợp không tuân thủ thì căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Nhân viên hàng không phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật về an ninh hàng không; trong khi thực hiện nhiệm vụ không được uống rượu, bia; nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu hồi hoặc tạm giữ Thẻ kiểm soát an ninh hàng không và Giấy phép nhân viên hàng không.

Điều 117. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không

1. Văn phòng thường trực Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia và Cục Hàng không Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được giao hàng năm xây dựng dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, trình Bộ Giao thông vận tải và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Các doanh nghiệp tự bảo đảm toàn bộ kinh phí cho công tác bảo đảm an ninh hàng không thuộc trách nhiệm của mình được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật, bao gồm cả kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không của doanh nghiệp.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 118. Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

1. Phụ lục I: Đề cương Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Phụ lục II: Đề cương Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không, người khai thác tàu bay Việt Nam.

3. Phụ lục III: Đề cương Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu.

4. Phụ lục IV: Đề cương Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

5. Phụ lục V: Mẫu công văn.

6. Phụ lục VI: Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

7. Phụ lục VII: Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Phụ lục VIII: Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn.

9. Phụ lục IX: Mẫu danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

10. Phụ lục X: Thông báo mất thẻ, giấy phép.

11. Phụ lục XI: Các yêu cầu đối với hàng rào, cổng, cửa, rào chắn, hệ thống chiếu sáng, ca-me-ra giám sát, vọng gác, đường tuần tra tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không.

12. Phụ lục XII: Niêm phong an ninh hàng không.

13. Phụ lục XIII: Giấy tờ về nhân thân, vé, thẻ lên tàu bay.

14. Phụ lục XIV: Mẫu Giấy xác nhận nhân thân.

15. Phụ lục XV: Tờ khai mang súng theo người lên tàu bay.

16. Phụ lục XVI: Tờ khai ký gửi súng, đạn trên chuyến bay.

17. Phụ lục XVII: Các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường tương ứng với từng cấp độ.

18. Phụ lục XVIII: Kiểm tra đối với máy soi tia X.

19. Phụ lục XIX: Kiểm tra đối với cổng từ.

20. Phụ lục XX: Kiểm tra đối với thiết bị phát hiện kim loại cầm tay.

21. Phụ lục XXI: Mẫu thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

22. Phụ lục XXII: Báo cáo sơ bộ về hành vi can thiệp bất hợp pháp.

23. Phụ lục XXIII: Báo cáo chính thức về hành vi can thiệp bất hợp pháp.

24. Phụ lục XXIV: Các mẫu biên bản vi phạm an ninh hàng không.

25. Phụ lục XXV: Túi đựng chất lỏng được phép mang theo người, hành lý xách tay trên chuyến bay quốc tế.

26. Phụ lục XXVI: Mẫu tờ khai mang đồ vật, phương tiện vào khu vực hạn chế.

Điều 119. Hiệu lực thi hành[46]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 01/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

---

[46] Điều 2 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 02/2018/TT-BGTVT quy định ngưng hiệu lực một phần Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 1.** Ngưng hiệu lực thi hành một số nội dung tại khoản 45 và khoản 47 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 cho đến thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về các nội dung này. Nội dung ngưng hiệu lực bao gồm:*

1. Khoản 45 Điều 1, ngưng hiệu lực đối với quy định:

"b) Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: hộ chiếu hoặc giấy thông hành, thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân; giấy chứng minh, chứng nhận của các lực lượng vũ trang; thẻ Đại biểu Quốc hội; thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia; giấy xác nhận nhân dân có các thông tin cơ bản sau: họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện nay do công an phường, xã nơi thường trú hoặc tạm trú xác nhận, có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và chỉ có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận; giấy của cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hành khách là người vừa chấp hành xong bản án, giấy xác nhận có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và chỉ có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận"

2. Khoản 47 Điều 1, ngưng hiệu lực đối với quy định: "Bãi bỏ Phụ lục số XIV".

***Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.*

***Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

PHỤ LỤC I

ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG
CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CẢNG HÀNG KHÔNG
… (*tên cảng hàng không)*

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Căn cứ xây dựng Chương trình.

3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt.

4. Quản lý, sử dụng Chương trình an ninh hàng không và tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

Chương II. KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG

(Các thông tin khái quát về cảng hàng không, đặc điểm, chức năng, ranh giới các khu vực và hoạt động của nó để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không).

1. Kết cấu hạ tầng và các khu chức năng

Có sơ đồ tổng thể và sơ đồ từng khu vực.

- Sân đỗ tàu bay (diện tích, số lượng vị trí đỗ, ký hiệu các vị trí đỗ, chiếu sáng tại các vị trí đỗ).

- Đường hạ cất cánh, đường lăn (số lượng, chiều dài, ký hiệu, hệ thống đèn đêm).

- Hàng rào vành đai, hàng rào khu bay (Chiều dài, chiều cao, loại hàng rào đặc điểm, tính chất của hàng rào, hệ thống chiếu sáng hàng rào và các thiết bị gắn với hàng rào).

- Đường tuần tra vành đai (chiều dài, chiều rộng, loại đường, đặc điểm, tính chất: đường đất, bê tông…).

- Vị trí đỗ biệt lập.

- Hầm xử lý bom.

- Các khu vực tập kết hành khách, hành lý trong trường hợp khẩn nguy.

- Nhà ga hành khách (mô tả khái quát tổng diện tích, các khu vực hạn chế, khu vực công cộng số lượng quầy làm thủ tục hàng không, xuất nhập cảnh, số lượng cổng, cửa từ khu vực nhà ga ra sân đỗ tàu bay, từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế của nhà ga; số lượng các điểm kiểm tra an ninh hàng không trong nhà ga, số lượng luồng hành khách ra tàu bay, luồng đi dành cho nhân viên nội bộ).

- Nhà ga hàng hóa (mô tả tương tự nhà ga hành khách).

- Bãi đỗ xe (diện tích, sức chứa, ô tô, xe máy, các điểm kiểm tra an ninh hàng không ở khu vực công cộng).

- Hệ thống giao thông (mô tả khái quát hệ thống giao thông tại khu vực cảng).

- Các cơ sở xử lý hàng hóa bưu gửi, cơ sở sản xuất suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay (liệt kê và mô tả khái quát chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở này).

- Khu vực văn phòng các cơ quan, đơn vị liên quan (liệt kê các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước, các hãng hàng không hoạt động tại cảng hàng không).

2. Khái quát hoạt động hàng không

Thời gian khai thác, lưu lượng hành khách, hàng hóa, số lượng các hãng hàng không, số lượng chuyến bay, giờ cao điểm, thấp điểm…

Chương III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Quy định trách nhiệm, nhiệm vụ của cơ quan, bộ phận, đơn vị có liên quan trong việc triển khai, phối hợp thực hiện chương trình an ninh hàng không cảng hàng không.

Chương IV. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Sơ đồ tổ chức an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

2. Người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không; trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ với giám đốc và các phòng ban của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không và các cơ quan chức năng tại cảng hàng không.

3. Danh sách những người đứng đầu các bộ phận trong hệ thống tổ chức an ninh hàng không và nhiệm vụ, quyền hạn.

Chương V. CÁC BIỆN PHÁP AN NINH PHÒNG NGỪA

1. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1.1. Các loại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng tại cảng hàng không… (tên cảng hàng không).

1.2. Quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ và thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay trường hợp được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cấp.

2. Biện pháp bảo đảm an ninh khu vực công cộng bao gồm cả khu vực công cộng trong nhà ga; phối hợp đảm bảo an ninh khu vực lân cận cảng hàng không

2.1. Tổ chức tuần tra khu vực công cộng cảng hàng không (cách thức, tần suất tuần tra, khu vực tuần tra, nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tuần tra; quy trình xử lý khi phát hiện bất thường).

2.2. Các chốt, điểm kiểm soát an ninh khu vực công cộng cảng hàng không

Thời gian hoạt động, địa điểm, số lượng, nhiệm vụ cụ thể của nhân viên an ninh hàng không tại chốt, điểm kiểm soát an ninh; quy trình xử lý khi phát hiện bất thường.

2.3. Hệ thống ca-me-ra giám sát (số lượng ca-me-ra, thời gian giám sát, khu vực giám sát, quy trình nghiệp vụ khi phát hiện bất thường).

2.4. Phối hợp đảm bảo an ninh khu vực lân cận cảng hàng không.

3. Kiểm soát an ninh vành đai sân bay và khu bay

3.1. Tổ chức tuần tra khu vực vành đai (cách thức, tần suất tuần tra, khu vực tuần tra, nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tuần tra; quy trình xử lý khi phát hiện bất thường).

3.2. Các chốt, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra, kiểm soát an ninh khu vực vành đai, khu bay (đường cất hạ cánh, đường lăn; thời gian hoạt động, địa điểm, số lượng, nhiệm vụ của nhân viên an ninh hàng không tại chốt, điểm kiểm soát an ninh; quy trình kiểm tra, kiểm soát tại từng chốt, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra, kiểm soát an ninh).

3.3. Hệ thống ca-me-ra giám sát (số lượng ca-me-ra, thời gian giám sát, khu vực giám sát, quy trình nghiệp vụ khi phát hiện bất thường).

4. Kiểm soát an ninh sân đỗ tàu bay

4.1. Tổ chức tuần tra khu vực sân đỗ tàu bay (cách thức, tần suất tuần tra, khu vực tuần tra, nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tuần tra; quy trình xử lý khi phát hiện bất thường).

4.2. Các chốt, cổng, cửa, điểm kiểm tra, kiểm soát an ninh khu vực sân đỗ tàu bay (thời gian hoạt động, địa điểm, số lượng, nhiệm vụ của nhân viên an ninh hàng không tại chốt, điểm kiểm soát an ninh; quy trình kiểm tra, kiểm soát tại từng chốt, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra, kiểm soát an ninh).

4.3. Hệ thống ca-me-ra giám sát sân đỗ tàu bay (số lượng ca-me-ra, thời gian giám sát, khu vực giám sát, quy trình nghiệp vụ khi phát hiện bất thường).

5. Kiểm soát an ninh các khu vực hạn chế trong nhà ga hành khách, hàng hóa.

5.1. Liệt kê các khu vực hạn chế.

5.2. Mô tả các điểm, chốt, cổng, cửa kiểm tra, kiểm soát đối với từng khu vực hạn chế (địa điểm, thời gian, nhiệm vụ, số lượng nhân viên, quy trình kiểm tra, kiểm soát; người, phương tiện, đồ vật mang theo ra, vào).

5.3. Giám sát duy trì an ninh đối với từng khu vực hạn chế (cách thức, tần suất, thời gian, nhiệm vụ, số lượng nhân viên tuần tra; quy trình chuyên môn của nhân viên an ninh hàng không; quy trình xử lý khi phát hiện bất thường; số lượng ca-me-ra, thời gian giám sát, khu vực giám sát, quy trình nghiệp vụ khi phát hiện bất thường).

6. Kiểm soát an ninh hàng không đối với hành khách, tổ bay, hành lý xách tay và các đối tượng khác tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

6.1. Địa điểm, thời gian, số lượng cổng từ, máy soi tia X, thiết bị khác, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, các loại tài liệu phải có ở mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không.

6.2. Quy trình kiểm tra, soi chiếu, lục soát.

6.2.1. Hành khách, hành lý xách tay xuất phát.

6.2.2. Hành khách hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến.

6.2.3. Nhân viên (tổ bay, công an, hải quan cửa khẩu, nhân viên hàng không...).

6.2.4. Hành khách đặc biệt (bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, người tàn tật…).

6.2.5. Hành khách, hành lý nghi ngờ.

6.2.6. Trường hợp từ chối soi chiếu, kiểm tra trực quan, lục soát.

6.2.7. Xử lý khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm.

6.2.8. Xử lý với các vật phẩm bị tịch thu, bị bỏ lại.

6.2.9. Đồ điện, điện tử, chất lỏng.

6.2.10. Vũ khí, súng đạn.

6.2.11. Túi thư ngoại giao, lãnh sự.

6.2.12. Hành khách, tổ bay chuyến bay hoạt động hàng không chung.

6.2.13. Hàng hóa, đồ vật bán, sử dụng tại khu vực cách ly.

7. Kiểm soát an ninh hành lý ký gửi.

7.1. Địa điểm, thời gian, số lượng máy soi tia X, các thiết bị khác, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, các loại tài liệu phải có ở mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không.

7.2. Quy trình kiểm tra, soi chiếu, lục soát.

7.3. Xử lý khi phát hiện nghi ngờ.

7.4. Bảo vệ và giám sát hành lý sau khi kiểm tra, soi chiếu.

8. Kiểm soát an ninh hàng hóa, bưu gửi.

8.1. Địa điểm, thời gian, số lượng máy soi tia X, các thiết bị khác, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, các loại tài liệu phải có ở mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không.

8.2. Quy trình kiểm tra, soi chiếu, lục soát.

8.2.1. Hàng hóa thông thường.

8.2.2. Hàng hóa đặc biệt (giá trị cao, tươi sống, quá khổ, hàng nguy hiểm, vũ khí...).

8.2.3. Bưu gửi.

8.3. Xử lý khi phát hiện nghi ngờ.

8.4. Bảo vệ và giám sát hàng hóa, bưu gửi sau khi kiểm tra, soi chiếu.

9. Kiểm soát an ninh đối với suất ăn, nhiên liệu cho tàu bay, đồ vật phục vụ trên tàu bay.

9.1. Địa điểm, thời gian, số lượng máy soi tia X, các thiết bị khác, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, các loại tài liệu phải có ở mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không.

9.2. Quy trình kiểm tra, soi chiếu, lục soát.

9.2.1. Suất ăn.

9.2.2. Nhiên liệu cho tàu bay.

9.2.3. Đồ vật phục vụ trên tàu bay.

9.3. Xử lý khi phát hiện nghi ngờ.

9.4. Bảo vệ và giám sát sau khi kiểm tra, soi chiếu.

10. Kiểm soát an ninh đối với tàu bay tại sân đỗ.

11. Xử lý đối với hành lý, đồ vật không có người nhận, hành lý không nhận biết được chủ.

12. Biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không.

12.1. Danh mục các hệ thống thông tin chuyên ngành.

12.2. Các biện pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp trái phép.

13. Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không.

13.1. Trách nhiệm, thẩm quyền.

13.2. Các biện pháp kiểm soát an ninh nội bộ.

14. Kiểm soát an ninh hàng không chuyên cơ.

14.1. Kiểm soát an ninh nhà khách chuyên cơ khi không phục vụ chuyên cơ.

14.2. Kiểm soát an ninh nhà khách chuyên cơ khi phục vụ chuyên cơ.

14.3. Kiểm tra soi chiếu hành khách, hành lý của đoàn khách chuyên cơ, người phục vụ, đón tiễn chuyên cơ.

14.3.1. Điểm kiểm tra, thời gian, số lượng máy soi tia X, cổng từ, thiết bị an ninh, số lượng nhân viên an ninh, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, quy trình nghiệp vụ, các tài liệu phải có ở điểm kiểm tra an ninh hàng không.

14.3.2. Tuần tra an ninh khu vực hạn chế nhà ga hàng hóa (tần suất, địa điểm, số lượng nhân viên, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, quy trình xử lý vụ việc phát sinh trong quá trình tuần tra).

14.3.3. Giám sát an ninh (cách thức giám sát, số lượng ca-me-ra, người giám sát, thời gian giám sát, địa điểm giám sát, quy trình xử lý khi có bất thường).

14.3.4. Bảo vệ tàu bay chuyên cơ tại sân đỗ.

15. Kiểm soát an ninh hàng không tăng cường.

16. Tuyên truyền bảo đảm an ninh hàng không.

Chương VI. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

1. Xử lý vi phạm an ninh hàng không.

2. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2.1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

2.2. Ban chỉ huy khẩn nguy cảng hàng không, sân bay.

2.3. Cơ quan tham mưu, giúp việc ban chỉ huy khẩn nguy cảng hàng không, sân bay.

2.4. Kế hoạch khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cảng hàng không, sân bay.

2.5. Hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

Chương VII. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI, PHỐI HỢP ĐẢM BẢO AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Giao ban liên ngành.

1.1. Cơ quan chủ trì, nhiệm vụ, quyền hạn.

1.2. Thời gian, địa điểm tổ chức giao ban.

1.3. Thành phần tham dự.

1.4. Nội dung giao ban.

1.5. Biên bản kết luận.

2. Xây dựng các Quy chế phối hợp, hiệp đồng.

3. Phối hợp trao đổi, chia sẻ thông tin và xử lý vi phạm về an ninh hàng không giữa các cơ quan, đơn vị tại cảng hàng không (tình hình, vụ việc vi phạm, vướng mắc phát sinh, phương thức trao đổi, sử dụng, bảo quản thông tin trao đổi…).

Chương VIII. TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Danh mục trang bị, thiết bị, phương tiện an ninh hàng không và vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Sơ đồ bố trí trang bị, thiết bị, phương tiện an ninh hàng không. Phương án trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa trang bị, thiết bị, phương tiện an ninh hàng không.

4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu.

Chương IX. ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Huấn luyện nhận thức an ninh hàng không.

2. Đào tạo, huấn luyện nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành cho cán bộ quản lý, giám sát viên an ninh nội bộ.

Chương X. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Trách nhiệm và tổ chức của bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Tiêu chuẩn và bổ nhiệm Giám sát viên an ninh nội bộ.

3. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ tại cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của mình.

4. Xây dựng Kế hoạch kiểm soát chất lượng.

5. Cập nhật cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không.

6. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không.

7. Lưu trữ hồ sơ kiểm soát chất lượng.

Chương XI. KINH PHÍ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH AN NINH

1. Nguyên tắc bố trí kinh phí.

2. Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch kinh phí hàng năm.

Chương XII. DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Xem tiếp Công báo số 799 + 800)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng